
Nội dung Quảng cáo

Nội dung chương trình dạy kế toán thực hành của Tadiethu

STT	Tên khóa học	Nội dung	Học Phí	Kết quả
01	Học Kế toán online – Tổng hợp các loại hình kế toán (TM, DV, DL)	Bộ chứng từ 1 tháng	Miễn phí	Thành thạo các công đoạn kế toán .Tổng hợp chứng từ, định khoản, lên báo cáo tài chính Thành thạo phần mềm kế toán cho loại hình doanh nghiệp, thông thạo kê khai thuế
02	Các vị trí kế toán thuộc kê thống kế toán (từ kế toán quản trị)	Bộ chứng từ 1 tháng	100.000 Đồng	
03	Kế toán doanh nghiệp Thương mại	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
04	Kế toán doanh nghiệp dịch vụ	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
05	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
06	Tổng hợp cả ba loại hình trên	Bộ chứng từ 3 tháng	500.000 Đồng	

1.2 Nội dung khóa học

Lập chứng từ và quản lý chứng từ:

- Lập chứng từ kế toán
- Phân loại chứng chứng từ kế toán
- Lưu chứng từ kế toán
- Thực hiện các nghiệp vụ phiếu kế toán cuối kỳ
- Các nghiệp vụ hành chính bắt buộc ví dụ : Bảo hiểm, văn thư ..

Thực hành ghi sổ kế toán:

Sổ tổng hợp:

- Sổ nhật ký (Nhật ký chung)
- Sổ cái (các tài khoản)

Sổ chi tiết:

- Sổ quỹ tiền mặt tiền gửi (111; 112)
- Sổ chi tiết công nợ và tổng hợp công nợ (TK131;331...)
- Sổ chi tiết hàng tồn kho, tổng hợp N - X – T(TK152;156)
- Sổ chi tiết doanh thu bán hàng, tổng hợp doanh thu bán hàng (TK 511...).
- Bảng tập hợp chi phí và tính giá thành (TK154;621;622;627)

- Bảng theo dõi phân bổ công cụ dụng cụ (TK 153; 242...)

- Bảng theo dõi khấu hao tài sản cố định (TK 211; 214...)

Lên Bảng cân đối phát sinh

- Từ số liệu của sổ chi tiết tổng hợp và lên bảng cân đối phát sinh

Lên Báo Cáo Tài Chính

- Lên bảng lưu chuyển tiền tệ

- Bảng cân đối kế toán

- Thuyết minh tài chính

Liên hệ sdt 0936838448

hoặc mail dttdiepthu@gmail.com

LỜI NÓI ĐẦU

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất tạo ra cơ sở vật chất kĩ thuật cho nền kinh tế quốc dân. Sản phẩm của ngành xây dựng cơ bản là các công trình có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài nên có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế- vật chất. Bên cạnh đó, sản phẩm của ngành xây dựng còn thể hiện giá trị thẩm mỹ, phong cách kiến trúc nên cũng mang ý nghĩa quan trọng về mặt tinh thần, văn hoá xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sau hơn mười năm thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế nước ta đã có những bước chuyển khá vững chắc. Việc mở rộng thị trường, thực hiện chính sách đa phương hoá các quan hệ kinh tế đã tạo điều kiện tiền đề cho nền kinh tế phát triển. Hoà nhịp cùng với những chuyển biến chung đó của nền kinh tế, các doanh nghiệp xây dựng trên cương vị là một đơn vị kinh tế cơ sở, là tế bào của nền kinh tế quốc dân đã góp phần không nhỏ trong tiến trình phát triển của đất nước. Nhưng để có thể hội nhập với nền kinh tế thế giới, chúng ta phải có một cơ sở hạ tầng vững chắc là nền tảng cho các ngành khác phát triển. Do đó, với mục tiêu đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước, vốn đầu tư cho hiện đại hoá cơ sở hạ tầng ngày càng chiếm tỉ trọng lớn trong vốn đầu tư của

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc

Lớp Kỹ thuật 41 D

nhà nước. Đó là thuận lợi lớn cho các công ty xây lắp. Tuy nhiên, trong cơ chế quản lý xây dựng cơ bản hiện nay, các công trình có giá trị lớn phải tiến hành đấu thầu. Vì vậy, để có thể đưa ra giá dự thầu hợp lý nhất, đem lại khả năng trúng thầu cao đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Cho nên, thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nhà quản trị không chỉ quan tâm đến tổng chi phí phát sinh mà quan trọng hơn là xem chi phí đó được hình thành như thế nào, ở đâu, từ đó đề ra biện pháp quản lý vốn, tránh lãng phí, thất thoát, tiết kiệm đến mức thấp nhất chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó, những thông tin này còn là cơ sở, là tiền đề để doanh nghiệp xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với Nhà nước, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp là cơ sở để Nhà nước kiểm soát vốn đầu tư và thu thuế. Do đó, trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế, việc hạ thấp giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp sẽ đem lại tiết kiệm cho xã hội, tăng tích lũy cho nền kinh tế. Vì vậy, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm không phải chỉ là vấn đề của các doanh nghiệp mà còn của toàn xã hội.

Đứng trên lĩnh vực kế toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Đảm bảo việc hạch toán giá thành chính xác, kịp thời phù hợp với đặc điểm hình thành và phát sinh chi phí là yêu cầu có tính xuyên suốt trong quá trình hạch toán tại doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, qua thời gian nghiên cứu, tìm hiểu lý luận và thực tế công tác tổ chức hạch toán tại Công ty xây dựng 492, được sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo PGS.TS Phạm Thị Gái và các cô chú, anh chị phòng kế toán Công ty, em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất - tính giá thành sản phẩm và phương hướng nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty xây dựng 492”***. Mục đích của đề tài là vận dụng lý luận về hạch toán chi

phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vào việc nghiên cứu thực tế công tác hạch toán tại Công ty xây dựng 492.

Nội dung của chuyên đề thực tập tốt nghiệp ngoài lời mở đầu, và kết luận bao gồm hai phần:

Phần I: Tình hình thực tế về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty xây dựng 492.

Phần II: Phương hướng hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Xây dựng 492

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH.

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH.

1. Chi phí và các cách phân loại chi phí.

1.1. Khái niệm, bản chất và nội dung kinh tế của chi phí

Sự phát sinh và phát triển của xã hội loài người gắn liền với quá trình sản xuất. Nền sản xuất xã hội của bất kỳ phương thức sản xuất nào cũng gắn liền với sự vận động và tiêu hao các yếu tố cơ bản tạo nên quá trình sản xuất. Nói cách khác, quá trình sản xuất là quá trình kết hợp của ba yếu tố: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Sự kết hợp của ba yếu tố này trong quá trình sản xuất sẽ tạo ra những sản phẩm, dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của con người. Việc tiêu hao một lượng nhất định các yếu tố trên để sản xuất ra sản phẩm, dịch vụ đó được gọi là chi phí.

Trong kinh doanh xây lắp, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá cần thiết mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành hoạt động xây dựng, lắp đặt các công trình trong một kỳ kinh doanh nhất định.

Đối với kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh luôn gắn liền với một kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và phải là chi phí thực. Vì vậy, cần có sự phân biệt giữa chi phí và chi tiêu. Chi phí của kỳ hạch toán là những hao phí về tài sản và lao động có liên quan đến khối lượng sản phẩm sản xuất ra trong kỳ chứ không phải mọi khoản chi ra trong kỳ hạch toán. Trong khi đó, chi tiêu là sự giảm đi đơn thuần các loại vật tư, tài sản, tiền vốn của doanh nghiệp, bất kể nó được dùng vào mục đích gì. Nhưng chi tiêu lại là cơ sở phát sinh của chi phí, không có chi tiêu thì không có chi phí. Trên thực tế có những chi phí tính vào kỳ hiện tại nhưng chưa được chi tiêu (như các khoản phải trả) hay những khoản chi tiêu của kỳ hiện tại nhưng chưa được tính vào chi phí (như mua tài sản cố định rồi khấu hao dần đưa vào chi phí). Như vậy, chi phí và chi tiêu không những khác nhau về mặt lượng mà còn khác nhau về thời gian. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là do đặc điểm, tính chất vận động và phương thức chuyển dịch giá trị của từng loại tài sản vào quá trình sản xuất và yêu cầu kỹ thuật hạch toán chúng.

1.2. Phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp bao gồm nhiều loại có nội dung, tính chất và công dụng kinh tế khác nhau, yêu cầu quản lý đối với từng loại chi phí cũng khác nhau. Do đó, muốn tập hợp và quản lý tốt chi phí tất yếu phải phân loại chi phí. Việc phân loại chi phí sản xuất một cách khoa học và hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản trị kiểm tra phân tích chi phí, thúc đẩy việc quản lý chặt chẽ chi phí để hướng tới tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Về mặt hạch toán, chi phí sản xuất thường được phân theo các tiêu thức sau đây:

**** Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố***

Để phục vụ cho việc tập hợp, quản lý chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu đồng nhất của nó mà không xét đến công dụng cụ thể, địa điểm phát sinh, chi phí được phân theo yếu tố. Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, toàn bộ chi phí được chia làm 7 yếu tố sau:

- *Yếu tố nguyên liệu, vật liệu*: Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên, vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ... sử dụng vào sản xuất kinh doanh (loại trừ giá trị dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi cùng với nhiên liệu, động lực)

- *Yếu tố nhiên liệu, động lực sử dụng vào quá trình sản xuất- kinh doanh trong kỳ* (trừ số dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).

- *Yếu tố tiền lương và các khoản phụ cấp lương*: Phản ánh tổng số tiền lương và các khoản phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho công nhân viên.

- *Yếu tố BHXH, KPCĐ, BHYT* trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương và các khoản phụ cấp phải trả công nhân viên chức.

- *Yếu tố khấu hao tài sản cố định*: Phản ánh tổng số khấu hao phải trích trong kỳ cho tất cả tài sản cố định sử dụng cho sản xuất kinh doanh.

- *Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất kinh doanh.

- *Yếu tố chi phí khác bằng tiền*: Phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Phân loại chi phí theo yếu tố có ý nghĩa lớn trong quá trình quản lý chi phí, nó cho biết kết cấu, tỉ trọng của từng yếu tố chi phí giúp cho việc xây dựng và phân tích định mức vốn lưu động cũng như việc lập, kiểm tra và phân tích dự toán chi phí.

*** Phân theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm.**

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính giá thành toàn bộ, chi phí được phân theo khoản mục. Cách phân loại này dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng. Theo đó,

toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp xây lắp được phân chia thành các khoản mục chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Phản ánh toàn bộ chi phí về nguyên liệu, vật liệu chính, phụ, nhiên liệu... được sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm xây lắp, thực hiện dịch vụ, lao vụ trong kỳ sản xuất kinh doanh.

- Chi phí nhân công trực tiếp: là chi phí về tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp mà không bao gồm các khoản trích theo lương.

- Chi phí sử dụng máy thi công: Bao gồm toàn bộ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy.

- Chi phí sản xuất chung: là những khoản chi phí phục vụ xây lắp tại các đội và các bộ phận sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp, bao gồm: tiền lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo tỉ lệ quy định trên tổng quỹ lương của toàn bộ công nhân viên chức từng bộ phận, từng đội và toàn bộ tiền ăn ca của đội, bộ phận, chi phí vật liệu dụng cụ phục vụ cho các đội...

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản mục chi phí ngoài sản xuất, phục vụ cho việc tính giá thành toàn bộ của doanh nghiệp.

Phân loại chi phí theo khoản mục rất thuận tiện cho công tác tính giá thành sản phẩm, lập kế hoạch giá thành và định mức chi phí cho kỳ sau. Qua đó sẽ giúp những nhà quản lý có biện pháp sử dụng chi phí một cách hợp lý, tiết kiệm, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

**** Phân loại chi phí theo cách thức kết chuyển chi phí***

Theo cách thức kết chuyển, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ. Chi phí sản phẩm là những chi phí gắn liền với các sản phẩm được sản xuất ra hoặc được mua; còn chi phí thời kỳ là những chi phí làm giảm lợi tức trong một kỳ nào đó, nó không phải là một phần giá trị sản phẩm được sản xuất ra hoặc được mua nên được xem là các phí tổn, cần được khấu trừ ra từ lợi nhuận của thời kỳ mà chúng phát sinh.

*** Phân loại chi phí theo quan hệ của chi phí với khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành.**

Để thuận tiện cho việc lập kế hoạch và kiểm tra chi phí, đồng thời làm căn cứ để đề ra các quyết định kinh doanh, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được phân theo quan hệ với khối lượng công việc hoàn thành. Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành biến phí và định phí.

Biến phí: là những chi phí thay đổi về tổng số, về tỉ lệ so với khối lượng công việc hoàn thành, chẳng hạn chi phí về nguyên liệu, nhân công trực tiếp...Tuy nhiên, chi phí biến đổi nếu tính trên một đơn vị sản phẩm thì lại có tính cố định.

Định phí: là những chi phí không đổi về tổng số so với khối lượng công việc hoàn thành, chẳng hạn các chi phí về khấu hao tài sản cố định, chi phí thuê mặt bằng, phương tiện kinh doanh...Các chi phí này nếu tính cho một đơn vị sản phẩm thì lại biến đổi nếu số lượng sản phẩm thay đổi.

Ngoài các cách phân loại trên, để phục vụ cho việc phân tích đánh giá tình hình sử dụng chi phí, chi phí sản xuất còn được phân loại thành: chi phí ban đầu và chi phí biến đổi, chi phí cơ bản và chi phí chung, chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp, chi phí tổng hợp và chi phí đơn nhất.

Mỗi cách phân loại chi phí đều có những tác dụng nhất định đối với công tác quản lý và hạch toán chi phí ở doanh nghiệp, đồng thời luôn hỗ trợ, bổ sung cho nhau giúp cho việc quản lý chung của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao nhất.

2. Giá thành và các loại giá thành.

2.1 Khái niệm, bản chất và nội dung kinh tế của giá thành sản phẩm xây lắp

Để xây dựng một công trình, hạng mục công trình hay hoàn thành một lao vụ thì doanh nghiệp phải đầu tư vào quá trình sản xuất thi công một lượng chi phí nhất định. Những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra đó sẽ tham gia cấu thành nên giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành.

Như vậy, giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá phát sinh trong quá trình sản xuất có liên quan đến khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Giá thành sản phẩm xây lắp luôn chứa đựng hai mặt khác nhau vốn có là chi phí sản xuất và lượng giá trị sử dụng thu được cấu thành bên trong khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Như vậy, bản chất của giá thành sản phẩm là sự chuyển dịch giá trị của những yếu tố chi phí vào sản phẩm xây lắp hoàn thành. Vì thế, giá thành có hai chức năng chủ yếu là bù đắp chi phí và chức năng lập giá.

Giá thành là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như hệ thống các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện nhằm đạt được mục đích sản xuất ra khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí thấp nhất. Giá thành là căn cứ để xác định hiệu quả kinh tế của các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong giá thành sản phẩm chỉ bao gồm những chi phí tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình sản xuất, tiêu thụ phải được bồi hoàn để tái sản xuất ở doanh nghiệp mà không bao gồm những chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Mọi cách tính toán chủ quan, không phản ánh đúng các yếu tố giá trị trong giá thành đều có thể dẫn đến việc phá vỡ các quan hệ hàng hoá- tiền tệ, không xác định được hiệu quả kinh doanh và không thực hiện tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng.

2.2. Phân loại giá thành

Để đáp ứng các yêu cầu của quản lý, hạch toán và kế hoạch hoá giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá thành sản phẩm, giá thành sản phẩm xây lắp được phân loại như sau:

*** Theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành**

Theo phương pháp này, chỉ tiêu giá thành được chia làm 3 loại:

- **Giá thành dự toán:** là tổng số các chi phí dự toán để hoàn thành một khối lượng xây lắp. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở các định mức theo thiết kế được duyệt và khung giá quy định đơn giá xây dựng cơ bản áp dụng vào từng vùng lãnh thổ, từng địa phương do cấp có thẩm quyền ban hành.

$$\text{Giá thành dự toán} = \text{Giá trị dự toán} - \text{Lãi định mức}$$

Trong đó, giá trị dự toán là chỉ tiêu dùng làm căn cứ cho các doanh nghiệp xây lắp xây dựng kế hoạch sản xuất của đơn vị, đồng thời làm căn cứ cho các cơ quan quản lý nhà nước giám sát hoạt động xây lắp. Lãi định mức là chỉ tiêu Nhà nước quy định ngành xây dựng cơ bản phải tạo ra để tích lũy cho xã hội.

- **Giá thành kế hoạch:** Là chỉ tiêu được xác định trên cơ sở giá thành dự toán gắn liền với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp.

$$\text{Giá thành kế hoạch} = \text{Giá thành dự toán} - \text{Mức hạ giá thành dự toán}$$

Giá thành kế hoạch của sản phẩm xây lắp là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và kế hoạch hạ thấp giá thành của doanh nghiệp.

- **Giá thành thực tế:** Là chỉ tiêu giá thành được xác định theo số liệu hao phí thực tế liên quan đến khối lượng xây lắp hoàn thành bao gồm chi phí định mức, vượt định mức và các chi phí khác. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức và sử dụng các giải pháp kinh tế- tổ chức- kỹ thuật để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*** Theo phạm vi phát sinh chi phí**

Theo phạm vi phát sinh chi phí, giá thành sản phẩm được chia làm 2 loại:

- Giá thành công tác xây lắp thực tế: phản ánh giá thành của một khối lượng công tác xây lắp đã hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

- Giá thành công trình, hạng mục công trình hoàn thành: là toàn bộ chi phí chi ra để tiến hành thi công công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao cho bên chủ đầu tư.

3. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành.

3.1 Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà các chi phí sản xuất phát sinh được tổ chức tập hợp và phân bổ theo đó. Giới hạn tập hợp chi phí sản xuất có thể là nơi gây ra chi phí hoặc nơi chịu phí. Để xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí cần căn cứ vào loại hình sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Trong sản xuất xây lắp, với tính chất phức tạp của quy trình công nghệ, loại hình sản xuất đơn chiếc, sản phẩm xây lắp có giá trị kinh tế lớn, thường được phân chia thành nhiều khu vực, bộ phận thi công. Mỗi công trình, hạng mục công trình đều có dự toán, thiết kế riêng, cấu tạo vật chất khác nhau nên tùy thuộc vào công việc cụ thể, trình độ quản lý của mỗi doanh nghiệp xây lắp mà đối tượng hạch toán chi phí có thể là từng công trình, hạng mục công trình hay từng đơn đặt hàng.

Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên, cần thiết của công tác hạch toán chi phí sản xuất. Chỉ có xác định đúng đắn đối tượng hạch toán chi phí sản xuất mới có thể tổ chức tốt công tác hạch toán chi phí. Trên cơ sở đối tượng hạch toán chi phí, kế toán lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí thích ứng. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí. Trong doanh nghiệp xây lắp có phương pháp hạch toán chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình, phương pháp hạch toán chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng.

3.2 Đối tượng tính giá thành

Do có sự khác nhau cơ bản về giới hạn tập hợp chi phí trong hạch toán chi phí sản xuất và sản phẩm hoàn thành cần phải tính giá thành một đơn vị, việc hạch toán quá trình sản xuất có thể phân thành hai giai đoạn là giai đoạn xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và giai đoạn xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm là xác định đối tượng mà hao phí vật chất của doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất đã được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí cần được bù đắp cũng như tính toán được kết quả kinh doanh.

Trong doanh nghiệp xây lắp, do sản phẩm mang tính đơn chiếc, mỗi sản phẩm đều có một dự toán và thiết kế riêng nên đối tượng tính giá thành được xác định là các công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn công việc, các khối lượng xây lắp có tính dự toán riêng đã hoàn thành.

Việc xác định đối tượng tính giá thành là công việc cần thiết đầu tiên trong toàn bộ công việc tính giá thành sản phẩm của kế toán. Xác định đối tượng tính giá thành đúng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của doanh nghiệp xây lắp, giúp cho kế toán tổ chức mở sổ và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ của doanh nghiệp xây lắp.

4. Môi quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm và ý nghĩa của việc tính đúng, đủ giá thành

4.1 Môi quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm xây lắp. Chúng là hai mặt khác nhau của quá trình sản xuất. Chi phí sản xuất phản ánh mặt hao phí của quá trình sản xuất còn giá thành sản phẩm phản ánh mặt kết quả sản xuất. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đều bao gồm các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình sản xuất. Khi giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau thì tổng giá thành sản phẩm bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ. Tuy nhiên, nếu bộ phận chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ không bằng nhau thì chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm khác nhau về lượng. Điều đó được thể hiện qua sơ đồ sau:

A	CPSX dở dang đầu kỳ	B	CPSX phát sinh trong kỳ	D
	Tổng giá thành sản phẩm		CPSX dở dang cuối kỳ	

Qua sơ đồ ta thấy: $AC = AB + BD - CD$, hay:

$$\text{Tổng giá thành} = \text{Chi phí sản xuất sản phẩm} + \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} - \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ}$$

Như vậy, chi phí sản xuất luôn gắn với từng thời kỳ phát sinh chi phí còn giá thành lại đồng thời liên quan tới cả chi phí phát sinh trong kỳ và chi phí kỳ trước (chi phí dở dang đầu kỳ) chuyển sang. Giá thành sản phẩm gắn với khối lượng sản phẩm, công việc, lao vụ đã sản xuất hoàn thành trong kỳ mà không tính đến chi phí đó phát sinh ở kỳ nào. Còn chi phí sản xuất bao gồm toàn bộ chi phí bỏ ra trong một kỳ sản xuất kinh doanh mà không tính đến chi phí đó liên quan đến khối lượng sản phẩm đã hoàn thành hay chưa.

4.2 Ý nghĩa của việc tính đúng, tính đủ giá thành

Đối với doanh nghiệp sản xuất nói chung, doanh nghiệp xây lắp nói riêng, chỉ tiêu chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng mà bất kỳ nhà quản lý nào cũng phải quan tâm bởi đó là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh và hơn nữa nó còn quyết định đến kết quả sản xuất và ảnh hưởng tới thu nhập của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp. Do đó cần phải hạch toán chính xác, đầy đủ và kịp thời chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm để cung cấp thông tin cho các nhà quản lý giúp họ nắm được tình hình sử dụng vật tư, tài sản, lao động...đánh giá được thực trạng kinh doanh thực tế của doanh nghiệp từ đó có những quyết định quản lý đúng đắn, tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất không chỉ là việc tổ chức, ghi chép, phản ánh theo đúng giá trị thực tế của chi phí mà còn phải theo đúng địa điểm phát sinh và đối tượng chịu phí. Tính đúng giá thành là tính toán chính xác và hạch toán đúng nội dung kinh tế của chi phí đã hao phí để sản xuất ra sản phẩm. Vì vậy, phải xác định đúng đối tượng tính giá thành, vận dụng đúng phương pháp tính giá thành và giá thành phải được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất kế toán đã tập hợp một cách chính xác. Tính đủ giá thành là tính toán đầy đủ mọi chi phí đã bỏ ra cho sản

xuất sản phẩm nhưng cũng phải loại bỏ những chi phí không liên quan, không cần thiết.

Việc tổ chức công tác quản lý và hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc điểm kinh doanh và tình hình thực tế của doanh nghiệp sẽ cho ta những thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp cũng như định hướng cho hoạt động kinh doanh. Tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm sẽ đảm bảo cho doanh nghiệp tránh được lãi giả, lỗ thật và ngược lại.

II. ĐẶC ĐIỂM HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM.

1. Đặc điểm kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng mang tính chất công nghiệp nhằm tái sản xuất tài sản cố định cho tất cả các ngành trong nền kinh tế quốc dân, tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho xã hội, tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng và góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Do đó, quản lý tốt và hạch toán đúng đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, ngành xây dựng cơ bản cũng có những nét đặc thù riêng chi phối công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Những nét đặc thù đó là:

Sản phẩm xây lắp là các công trình, vật kiến trúc...thuộc kết cấu hạ tầng của nền kinh tế quốc dân có quy mô và giá trị lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài...Do vậy, việc tổ chức quản lý và hạch toán nhất thiết phải có các dự toán thiết kế, thi công được lập theo từng công trình, hạng mục công trình. Trong quá trình thi công xây lắp phải thường xuyên so sánh kiểm tra việc thực hiện dự toán chi phí, tìm ra nguyên nhân vượt, hụt dự toán và đánh giá hiệu quả kinh doanh trên cơ sở lấy dự toán làm thước đo.

Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất (xe máy, thiết bị thi công, người lao động...) phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Mặt khác, hoạt động xây dựng cơ bản thường tiến hành ngoài trời nên chịu ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên, thời tiết. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản, vật tư rất phức tạp, dễ bị mất mát, hư hỏng làm tăng chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, chu kỳ sản xuất của đơn vị xây lắp thường rất dài, chi phí phát sinh thường xuyên trong khi doanh thu chỉ phát sinh ở từng thời điểm nhất định. Do đó, kỳ tính giá thành ở các đơn vị xây lắp thường được xác định theo kỳ sản xuất.

Tổ chức sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp ở nước ta hiện nay phổ biến theo phương thức khoán gọn các công trình, hạng mục công trình, khối lượng hoặc công việc cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp (đội, xí nghiệp...). Trong giá khoán gọn, không chỉ có tiền lương mà còn có đủ các chi phí về vật liệu, công cụ, dụng cụ thi công, chi phí chung của bộ phận nhận khoán.

Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thoả thuận với chủ đầu tư từ trước (giá đấu thầu) nên tính chất hàng hoá của sản phẩm thể hiện không rõ hay nói cách khác, tác động của yếu tố thị trường bị hạn chế.

Giá thành công trình xây lắp không bao gồm giá trị bản thân thiết bị do chủ đầu tư đưa vào để lắp đặt mà chỉ bao gồm những chi phí do doanh nghiệp xây lắp bỏ ra có liên quan đến xây lắp công trình. Giá thành công tác xây dựng và lắp đặt kết cấu bao gồm giá trị vật kết cấu và giá trị thiết bị kèm theo như các thiết bị vệ sinh, thông gió, thiết bị sưởi ấm, điều hoà nhiệt độ, thiết bị truyền dẫn...

Những đặc điểm trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức công tác hạch toán kế toán trên cơ sở tuân thủ chế độ kế toán nhưng cũng phải phù hợp với đặc điểm đặc thù của hoạt động kinh doanh xây lắp để đảm bảo chất lượng công tác kế toán, cung cấp kịp thời những thông tin cho quản lý.

2. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành

Theo chế độ quy định, các doanh nghiệp xây lắp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, do đó, hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp là theo phương pháp KCTX. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải được phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời

Để tổng hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm kế toán sử dụng tài khoản 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp (công trình, hạng mục công trình...). Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Tập hợp chi phí thực tế phát sinh trong kì.

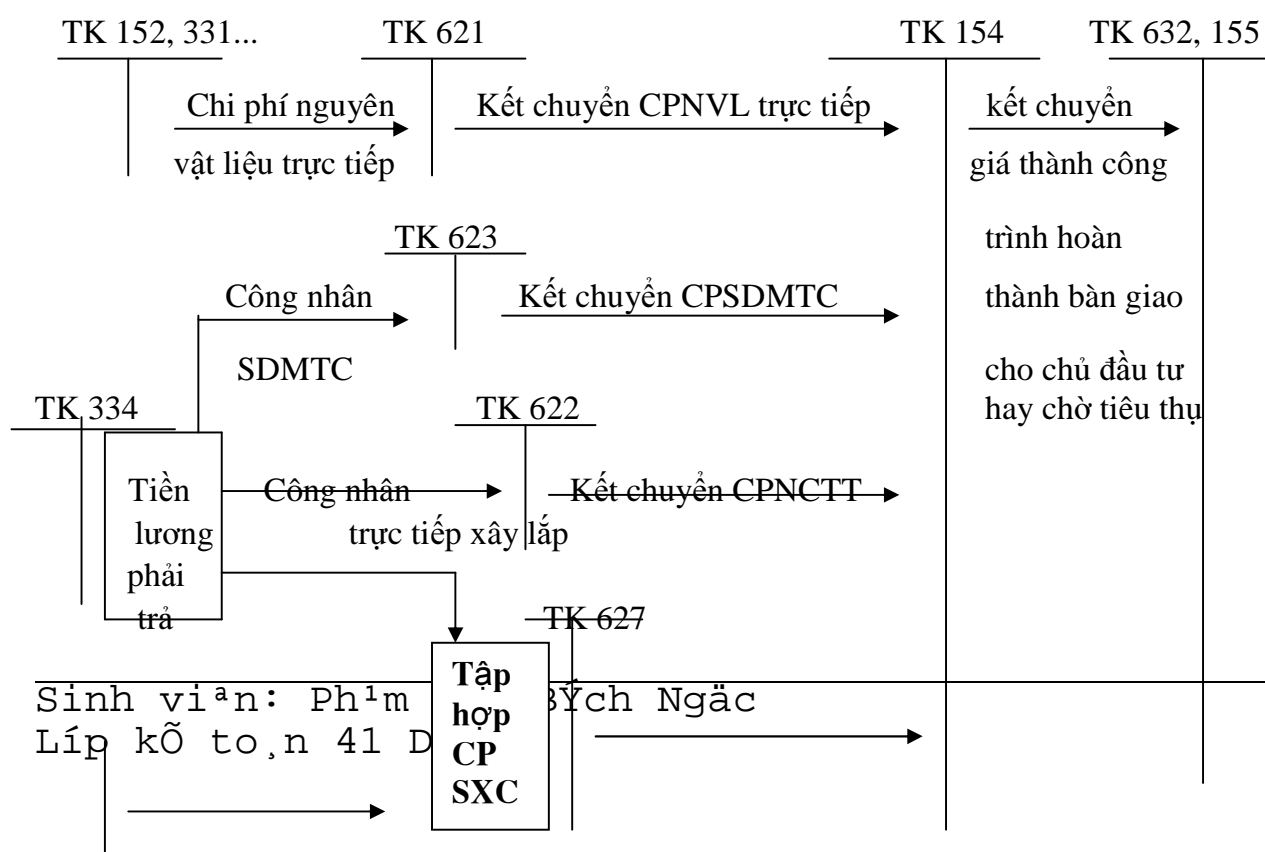
Bên Có: - Các khoản giảm chi phí.

- Tổng giá thành sản xuất của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

Dư Nợ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản 621, 622, 623, 627 để phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong kỳ.

Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp



TK 214, 338, 111...

phân bổ (hoặc kết

Chi phí SXC khác

chuyển) CPSXC

3. Các bước hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành.

Chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại với tính chất và nội dung khác nhau. Việc tập hợp chi phí phải được tiến hành theo một trình tự hợp lý, khoa học thì mới có thể tính giá thành một cách chính xác, kịp thời. Trình tự này phụ thuộc vào tính chất, đặc điểm sản xuất của từng ngành, nghề, từng doanh nghiệp, trình độ quản lý và hạch toán... Đối với doanh nghiệp xây lắp, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thường qua các bước sau:

Bước 1: Tập hợp các chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí (công trình, hạng mục công trình...).

Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ có liên quan trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và đơn giá của lao vụ đó.

Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình, hạng mục công trình có liên quan theo tiêu thức phù hợp.

Bước 4: Kiểm kê, xác định sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Bước 5: Tính giá thành sản phẩm theo đối tượng tính giá thành (công trình, hạng mục công trình).

III. HẠCH TOÁN CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành nên thực thể sản phẩm xây lắp (không kể vật liệu phục vụ cho máy móc thi công, phương tiện thi công và những vật liệu tính trong chi phí sản xuất chung). Giá trị vật

liệu được hạch toán vào khoản mục này ngoài giá trị thực tế còn có cả chi phí thu mua, vận chuyển từ nơi mua về nơi nhập kho hoặc xuất thẳng đến chân công trình.

Nguyên vật liệu sử dụng cho xây dựng hạng mục công trình nào phải được tính trực tiếp cho hạng mục công trình đó trên cơ sở chứng từ gốc theo số lượng thực tế đã sử dụng và theo giá xuất kho thực tế. Trường hợp nguyên vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều công trình, không thể tổ chức hạch toán riêng được thì kế toán phải phân bổ chi phí cho các công trình theo tiêu thức thích hợp như theo định mức tiêu hao, theo khối lượng thực hiện...

Để phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 621- chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng công trình xây dựng, lắp đặt (công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn công việc, khối lượng công việc, khối lượng xây lắp có dự toán riêng). Kết cấu tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Giá trị nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho xây dựng, lắp đặt.

Bên Có: - Giá trị nguyên vật liệu xuất dùng không hết nhập lại kho hay chuyển sang kỳ sau.

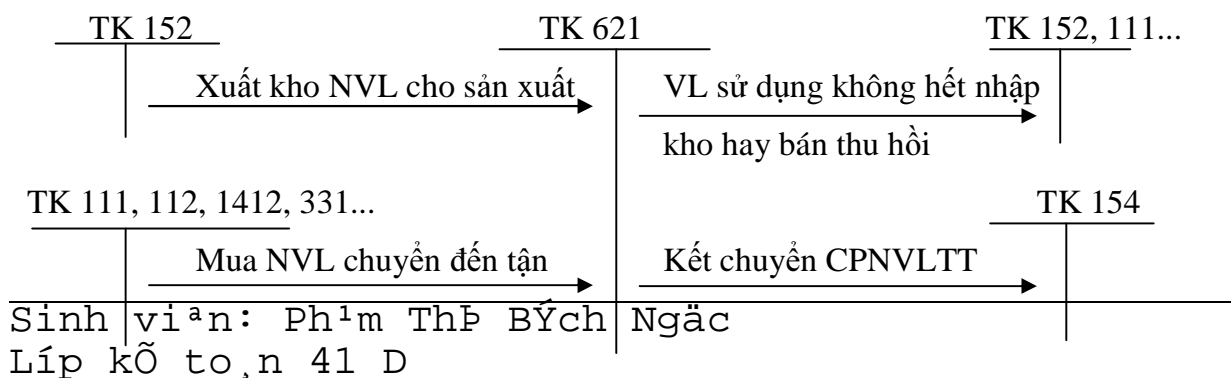
- Kết chuyển hoặc phân bổ giá trị nguyên vật liệu thực tế sử dụng cho hoạt động xây lắp trong kỳ vào bên nợ TK 154- chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và chi tiết cho các đối tượng để tính giá thành công trình.

Tài khoản 621 cuối kỳ không có số dư.

*Phương pháp hạch toán:

Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



IV. HẠCH TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP.

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản thù lao lao động phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp các công trình, công nhân phục vụ thi công (kể cả công nhân vận chuyển bốc dỡ vật tư trong phạm vi mặt bằng xây lắp và công nhân chuẩn bị thi công và thu dọn hiện trường). Chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm các khoản trích KPCĐ, BHXH, BHYT tính theo tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp và tiền ăn ca của công nhân xây lắp mà chúng được hạch toán vào chi phí sản xuất chung.

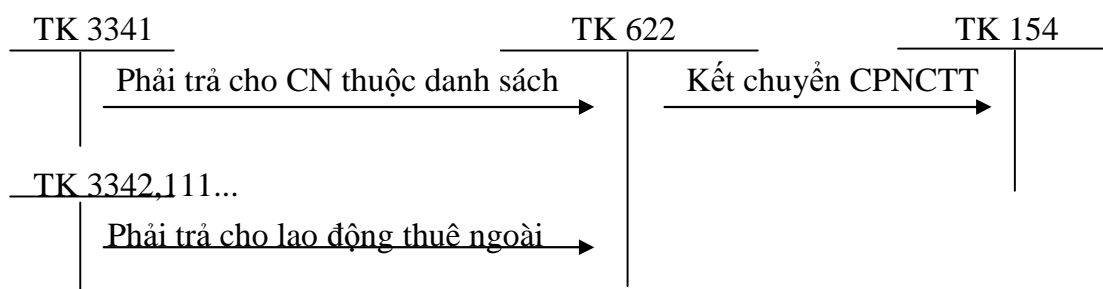
Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622- chi phí nhân công trực tiếp. Khi hạch toán, tài khoản này được mở chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình, giai đoạn công việc... Tài khoản này có kết cấu như sau:

Bên Nợ: Chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh.

Bên Có: Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản tính giá thành.

Tài khoản 622 cuối kỳ không có số dư.

Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



V. HẠCH TOÁN CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG.

Máy móc thi công là các loại máy phục vụ trực tiếp cho sản xuất xây lắp như máy trộn bê tông, cần trục, cần cẩu tháp, máy ủi, máy xúc,... Chi phí sử dụng máy thi

công là những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng xe và máy thi công, bao gồm các loại nguyên, vật liệu xuất dùng cho máy thi công, tiền lương phải trả cho công nhân điều khiển và phục vụ máy thi công, khấu hao máy thi công, tiền thuê máy thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài cho sử dụng máy thi công...

Chi phí sử dụng máy thi công được chia làm hai loại: chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời.

- Chi phí thường xuyên: là những chi phí hàng ngày cần thiết cho việc sử dụng máy thi công như chi phí khấu hao máy, chi phí về thuê máy, nhiên liệu, động lực...

- Chi phí tạm thời: là những chi phí có liên quan đến việc tháo lắp, chạy thử, vận chuyển...máy thi công và những công trình tạm thời phục vụ máy thi công. Chi phí này được phân bổ dần theo thời gian sử dụng máy thi công ở công trường.

Do đặc điểm của hoạt động xây lắp và của sản phẩm xây lắp, một máy thi công có thể sử dụng cho nhiều công trình trong kỳ hạch toán. Vì vậy, cần phân bổ chi phí máy thi công cho từng công trình. Theo chế độ quy định hiện nay, có ba tiêu thức phân bổ là: theo khối lượng công việc hoàn thành của ca máy, theo ca máy làm việc, theo dự toán chi phí sử dụng máy thi công. Công thức phân bổ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sử dụng máy} \\ \text{thi công phân bổ} \\ \text{cho từng đối tượng} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí máy thi công cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \frac{\text{Tổng tiêu thức}}{\text{phân bổ của}} \text{ từng đối tượng}$$

Đối với trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công, vừa bằng máy, để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 623- *chi phí sử dụng máy thi công*. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình hoàn toàn bằng máy thì không sử dụng tài khoản 623 mà kế toán hạch toán trực tiếp vào các tài khoản 621, 622, 627. Mặt khác, các khoản trích KPCĐ, BHXH, BHYT tính theo tiền lương phải trả công nhân sử dụng máy thi

công và tiền ăn ca không hạch toán vào TK 623 mà phản ánh vào TK 627- chi phí sản xuất chung. Tài khoản 623 có kết cấu như sau:

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công thực tế phát sinh.

Bên Có: Kết chuyển (hoặc phân bổ) chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, hạng mục công trình.

Tài khoản 623 không có số dư cuối kỳ và chi tiết làm 6 tiểu khoản:

TK 6231- Chi phí nhân công.

TK 6231- Chi phí vật liệu.

TK 6233- Chi phí dụng cụ sản xuất.

TK 6234- Chi phí khấu hao máy thi công.

TK 6237- Chi phí dịch vụ mua ngoài.

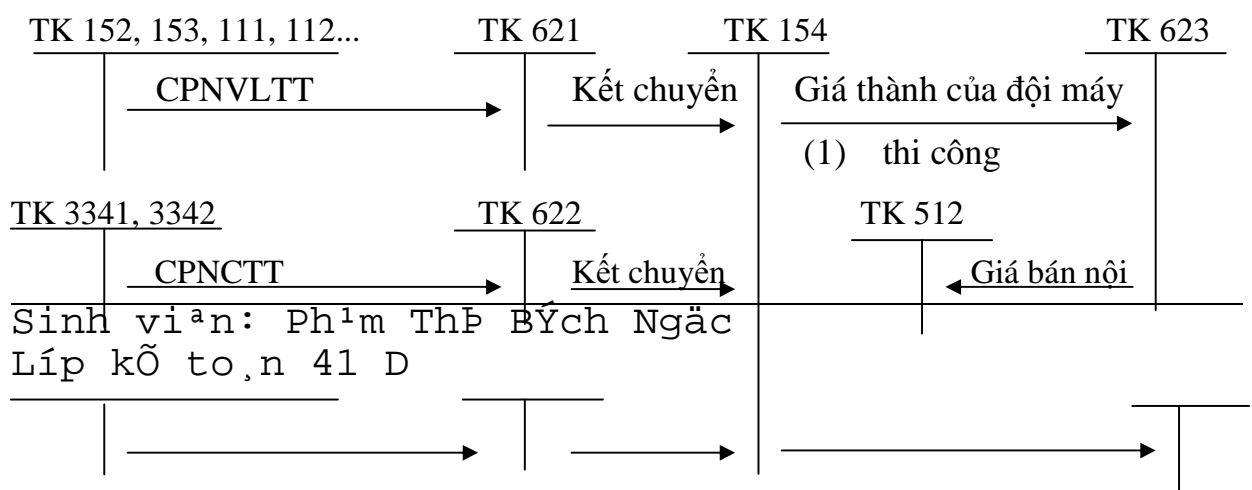
TK 6238- Chi phí bằng tiền khác.

Việc hạch toán cụ thể chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công của mỗi doanh nghiệp.

*** Trường hợp Công ty có tổ chức đội máy thi công riêng**

Trong trường hợp này, hạch toán chi phí sử dụng máy thi công được tiến hành như sau: toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến đội máy thi công được tập hợp riêng trên các TK 621, 622, 627 (chi tiết đội máy thi công). Cuối kỳ, tổng hợp chi phí vào tài khoản 154 (1543 chi tiết đội máy thi công) để tính giá thành ca máy (hoặc giờ máy). Căn cứ vào giá thành của một ca máy (hoặc giờ máy) và số ca máy (hoặc giờ máy) mà đội máy thi công phục vụ cho từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình...) để phân bổ chi phí của đội máy thi công cho từng đối tượng.

Quy trình hạch toán được khái quát qua sơ đồ sau:



(2) bộ

TK 111, 112, 214, 331...

TK 627

TK 632

CPSXC

Kết chuyển

(2) Giá thành dịch vụ
của đội MTC

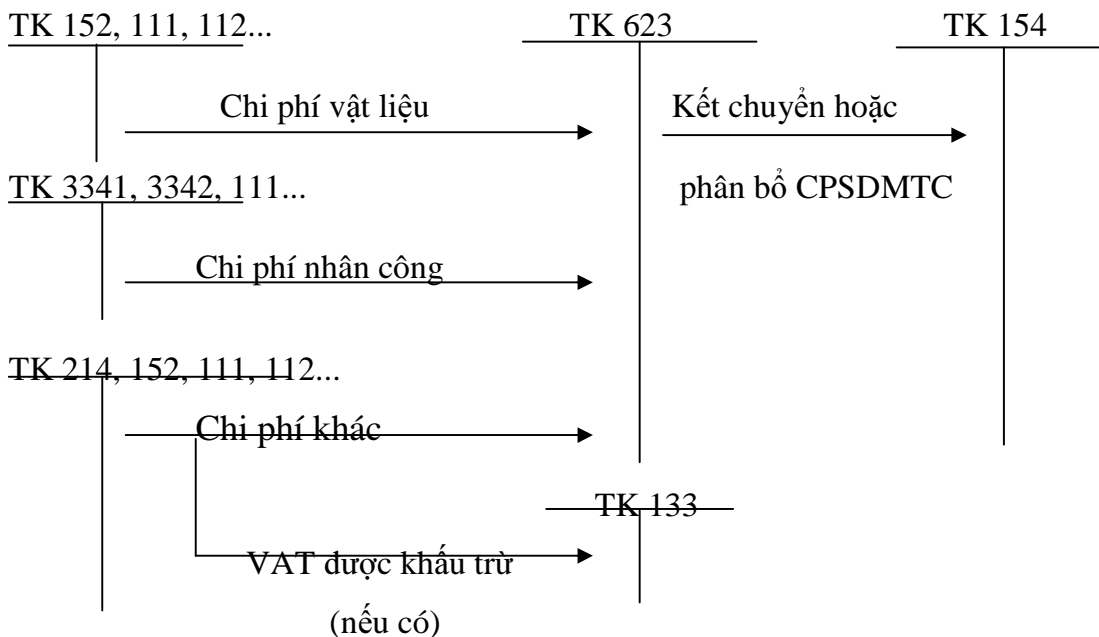
(1) Các bộ phận trong doanh nghiệp không tính kết quả riêng mà thực hiện phương thức cung cấp lao vụ máy lẫn nhau.

(2) Các bộ phận trong doanh nghiệp xác định kết quả riêng (doanh nghiệp thực hiện phương thức bán lao vụ máy lẫn nhau)

*** Trường hợp từng đội xây lắp có máy thi công riêng.**

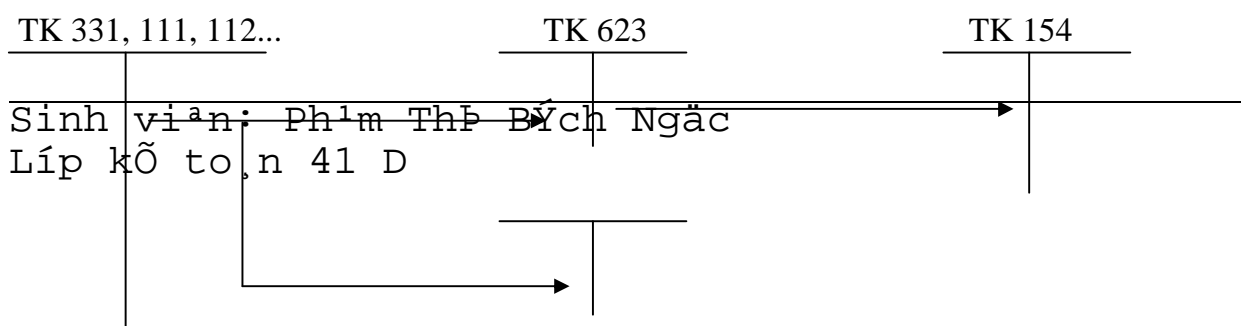
Các chi phí liên quan đến máy thi công được tập hợp riêng trên tài khoản 623 – chi phí sử dụng máy thi công, cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ theo từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình...)

Sơ đồ hạch toán chi phí sử dụng máy thi công



*** Trường hợp máy thi công thuê ngoài**

Toàn bộ chi phí thuê máy thi công tập hợp vào tài khoản 623. Cuối kỳ, kết chuyển vào tài khoản 154 theo từng đối tượng.



VI. HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG.

Chi phí sản xuất chung phản ánh những chi phí phục vụ xây lắp tại các đội và các bộ phận sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm: lương nhân viên quản lý đội, tiền ăn giữa ca, trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỉ lệ quy định trên tổng số lương công nhân viên chức của đội, khấu hao tài sản cố định dùng chung cho hoạt động của đội, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền.

Nếu các khoản chi phí chỉ liên quan đến một công trình, hạng mục công trình sẽ được tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình đó. Còn các khoản chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng thì sẽ được phân bổ cho các đối tượng theo tiêu thức thích hợp như: tiền lương công nhân xây lắp hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Để hạch toán chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài khoản 627- chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng xây lắp. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Các khoản chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

Bên Có: - Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung.

- Phân bổ và kết chuyển chi phí sản xuất chung vào tài khoản tính giá thành

Tài khoản 627 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 6 tiểu khoản:

TK 6271- Chi phí nhân viên phân xưởng

TK 6272- Chi phí vật liệu

TK 6273- Chi phí dụng cụ sản xuất

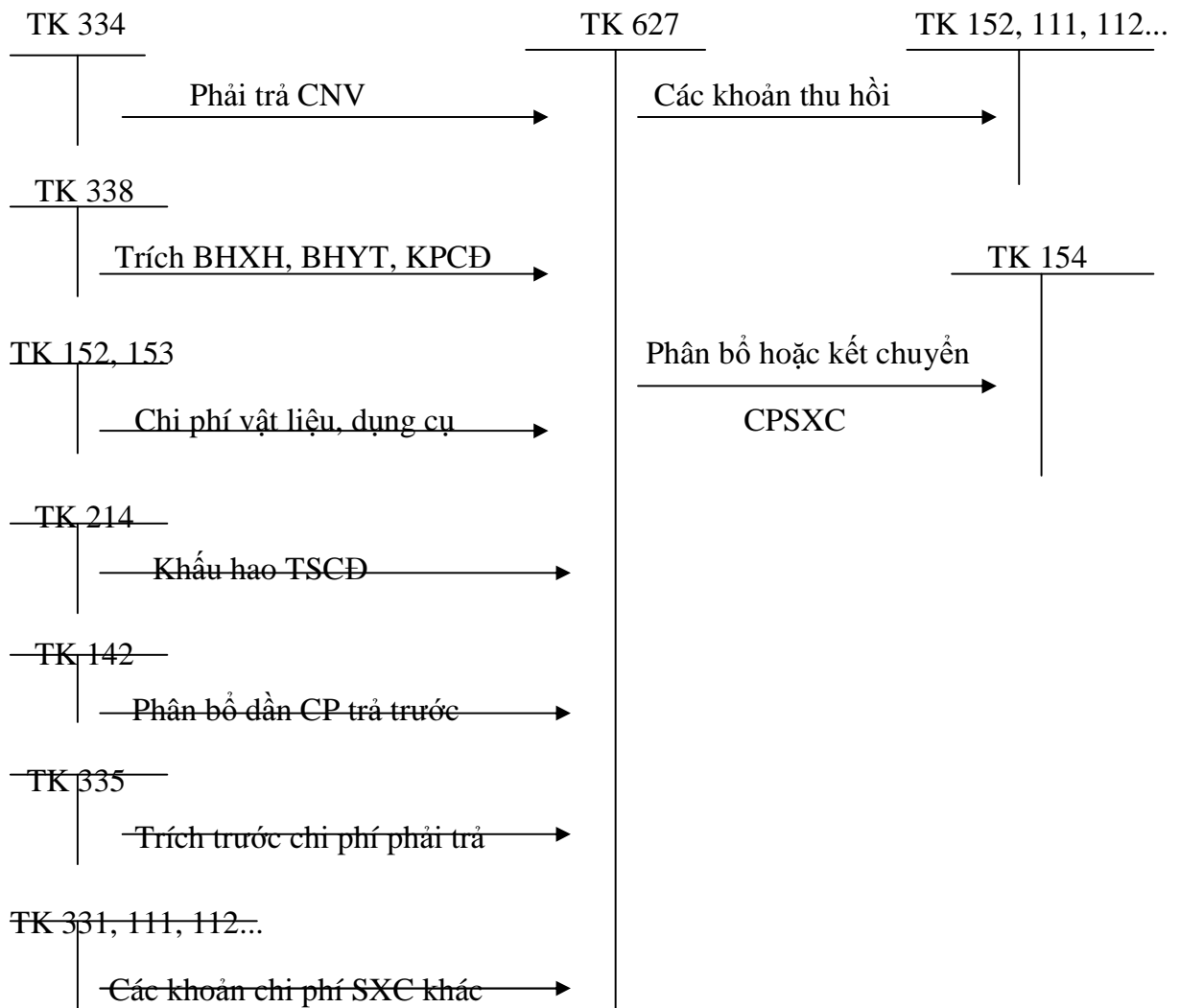
TK 6274- Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6277- Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278- Chi phí khác bằng tiền

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất chung được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung



VII. HẠCH TOÁN THIẾT HẠI TRONG SẢN XUẤT

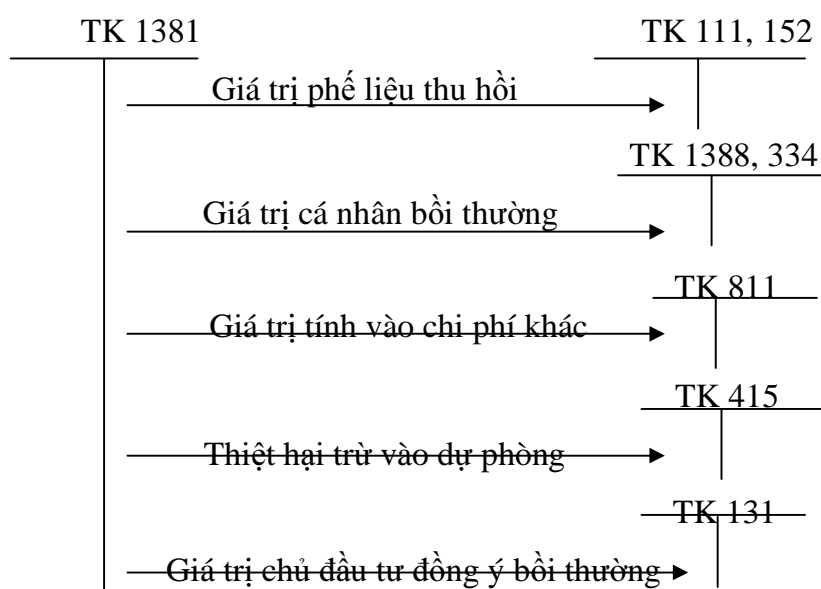
1. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất

Các doanh nghiệp sản xuất nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng đều không thể tránh được những thiệt hại trong quá trình sản xuất, đặc biệt do đặc điểm của ngành xây dựng là tiến hành ngoài trời nên phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên vì vậy có thể gặp nhiều rủi ro, tạo nên những khoản thiệt hại bất ngờ ngoài dự toán. Đây là những nguyên nhân làm tăng chi phí, giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

Do đó, kế toán phải hạch toán chính xác giá trị thiệt hại trong sản xuất và đúng với nguyên nhân của thiệt hại nhằm phản ánh đúng kết quả sản xuất và giúp doanh nghiệp đưa ra được những biện pháp xử lý kịp thời để tránh các thiệt hại về sau.

Thiệt hại trong sản xuất xây lắp bao gồm thiệt hại phá đi làm lại và thiệt hại ngừng sản xuất. Thiệt hại phá đi làm lại: do xây lắp sai thiết kế, không đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, không được bên giao thầu nghiệm thu buộc phải thêm chi phí sửa chữa hoặc phá đi làm lại cho đạt yêu cầu nghiệm thu. Thiệt hại do ngừng sản xuất: do các nguyên nhân về thời tiết, do không cung ứng kịp thời vật tư, nhân công...

Việc hạch toán thiệt hại về ngừng sản xuất giống như các doanh nghiệp công nghiệp. Đối với thiệt hại về phá đi làm lại, kế toán cần mở sổ theo dõi riêng.



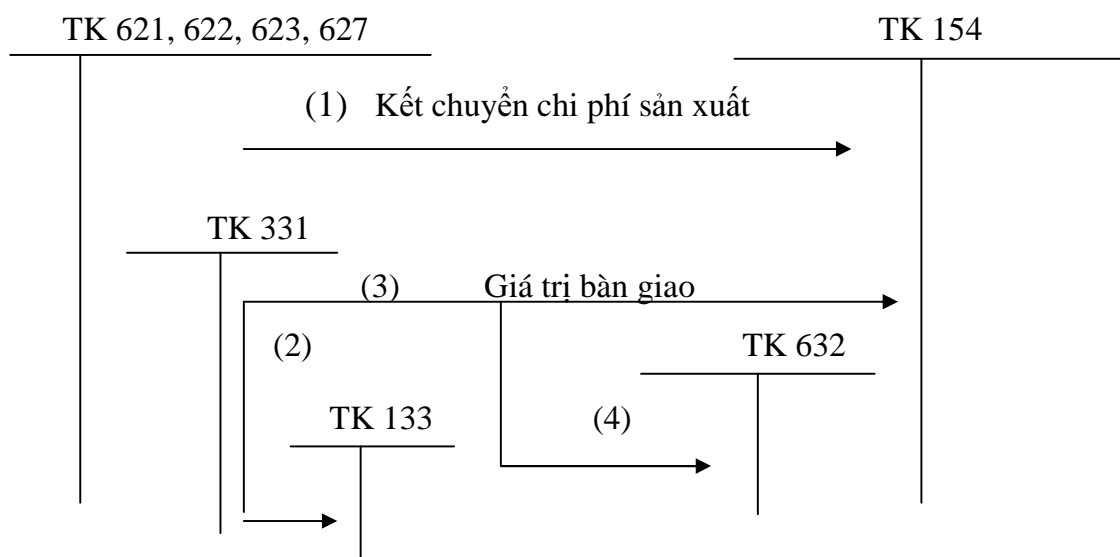
VIII. TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT, KIỂM KÊ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM LÀM DỒ.

1. Tổng hợp chi phí sản xuất.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành trong kỳ. Toàn bộ chi phí sản xuất (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung) phát sinh trong quá trình thi công sẽ được kết chuyển sang tài khoản 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Việc tổng hợp chi phí sản xuất trong xây lắp được tiến

hành theo từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình...) và chi tiết theo khoản mục vào bên nợ tài khoản 154.

Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất



(1)- Trường hợp tự làm

(2)- Trường hợp là nhà thầu chính

(3)- Nếu xác định là chưa tiêu thụ

(4)- Nếu xác định là tiêu thụ

2. Kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang.

Để phục vụ cho việc tính giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, định kỳ (tháng, quý) doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê khối lượng công việc đã hoàn thành hay đang dở dang. Hơn nữa, để tính giá thành sản phẩm xây lắp chính xác đòi hỏi công tác kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang phải được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời, đồng thời phải phát hiện được tổn thất trong quá trình thi công.

Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong sản xuất xây lắp phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giữa bên nhận thầu và bên giao thầu. Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp sau khi hoàn thành toàn bộ thì giá trị sản phẩm dở dang là tổng chi phí phát sinh từ lúc khởi công đến cuối tháng đó. Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý thì giá trị sản phẩm dở dang là giá trị khối lượng xây lắp chưa đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được tính giá theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn

thành và giai đoạn dở dang theo giá trị dự toán của chúng hoặc theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương. Công thức phân bổ như sau:

*** Theo giá trị dự toán**

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \\ \text{Giá trị dự toán của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \\ \text{Giá trị dự toán của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị dự} \\ \text{toán của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

*** Theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương**

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thực tế} \\ \text{của khối} \\ \text{lượng xây} \\ \text{lắp dở dang} \\ \text{chuyển} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \\ \text{Chi phí dự toán của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{hoàn thành bàn giao} \\ \text{trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của khối} \\ \text{lượng xây lắp thực hiện} \\ \text{trong kỳ} \\ \\ \text{Chi phí dự toán của khối} \\ \text{lượng xây lắp dở dang cuối} \\ \text{kỳ đã tính chuyển theo SP} \\ \text{hoàn thành tương đương} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Chi phí dự toán của khối} \\ \text{lượng xây lắp dở dang cuối} \\ \text{kỳ đã tính} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Chi phí của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{theo SP hoàn} \\ \text{thành tương} \\ \text{đương.} \end{array}$$

IX. CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ THÀNH CHỦ YẾU.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là một phương pháp hay hệ thống phương pháp được sử dụng để tính giá thành đơn vị sản phẩm. Trong doanh nghiệp xây lắp, kế toán thường sử dụng các phương pháp sau:

*** Phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)**

Theo phương pháp này, chi phí sản xuất được tập hợp cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất (cũng là đối tượng tính giá thành). Đối với loại chi phí chỉ liên quan đến một đối tượng thì tập hợp trực tiếp vào sổ chi tiết của đối tượng đó, còn loại chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng thì kế toán dựa vào một tiêu thức phân bổ thích hợp để phân bổ loại chi phí này cho từng đối tượng vào sổ chi tiết tương ứng. Đến kỳ tính giá thành, kế toán dựa vào sổ tập hợp chi phí sản xuất và

kết quả kiểm kê, xác định giá trị sản phẩm dở dang để tính giá thành sản phẩm hoàn thành theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Giá trị SP} & & \text{Chi phí SX} & & \text{Các phát} & & \text{Giá trị SP} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{dở dang} & + & \text{thực tế} & - & \text{sinh giảm} & - & \text{dở dang} \\ \text{hoàn thành} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{CPSX} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này được sử dụng khá phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay bởi vì sản xuất xây lắp mang tính đơn chiếc, đối tượng tập hợp chi phí thường phù hợp với đối tượng tính giá thành và do cách tính đơn giản, dễ thực hiện của phương pháp này.

*** Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng**

Các doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng cụ thể, đối tượng tính giá thành sản phẩm là sản phẩm của từng đơn đặt hàng. Đặc điểm của việc hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp này là toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh đều được tập hợp theo từng đơn đặt hàng. Đối với các chi phí trực tiếp (nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp...) phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến đơn đặt hàng nào thì được hạch toán trực tiếp cho đơn đặt hàng đó theo các chứng từ gốc (hay bảng phân bổ chi phí). Đối với chi phí sản xuất chung, sau khi tập hợp xong sẽ phân bổ cho từng đơn theo tiêu thức phù hợp

Việc tính giá thành chỉ tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành thường không đồng nhất với kỳ báo cáo. Đối với những đơn đặt hàng đến kỳ báo cáo chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí đã tập hợp theo đơn đó đều coi là sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển kỳ sau. Đối với những đơn đặt hàng đã hoàn thành thì

tổng chi phí đã tập hợp được theo đơn đó chính là tổng giá thành sản phẩm theo đơn.

*** Phương pháp tổng cộng chi phí**

Phương pháp này thích hợp với việc xây lắp các công trình lớn, phức tạp, quá trình sản xuất có thể được tiến hành thông qua các đội sản xuất khác nhau mới hoàn thành được sản phẩm. Trong trường hợp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

$$Z = D_{đk} + C_1 + C_2 + \dots + C_n - D_{ck}$$

Trong đó: C_1, C_2, \dots, C_n là chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình của một công trình.

*** Phương pháp định mức**

Phương pháp này được áp dụng ở những doanh nghiệp có quy trình sản xuất đã định hình và đi vào ổn định, đồng thời doanh nghiệp đã xây dựng được các định mức vật tư, lao động có căn cứ kỹ thuật và tương đối chính xác. Việc quản lý và hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dựa trên cơ sở hệ thống định mức. Dựa vào hệ thống định mức, kế toán xác định giá thành đơn vị định mức sản phẩm, đồng thời cũng phải theo dõi chặt chẽ tình hình thay đổi định mức trong kỳ và tình hình chi tiêu cho sản xuất so với định mức. Giá thành sản phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & = & \text{Giá thành định} & + & \text{chênh lệch} & + & \text{Thay đổi} \\ \text{của sản phẩm} & & \text{mức của sản phẩm} & & \text{định mức} & & \text{định mức} \end{array}$$

Trong đó, giá thành định mức của sản phẩm được xác định căn cứ vào định mức kinh tế, kỹ thuật hiện hành; chênh lệch định mức là số chênh lệch do thoát ly định mức (do tiết kiệm hoặc vượt chi); thay đổi định mức là do định mức kỳ này thay đổi so với kỳ trước.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Chênh lệch do thoát ly} & = & \text{Chi phí thực tế} & - & \text{Chi phí định mức} \\ \text{định mức} & & \text{(theo từng khoản mục)} & & \text{(theo từng khoản mục)} \end{array}$$

$$\text{Thay đổi định mức} = \text{Định mức mới} - \text{Định mức cũ}$$

Thông qua phương pháp này, doanh nghiệp có thể kiểm tra tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí sản xuất và tình hình sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả hay lãng phí chi phí, phát hiện kịp thời các nguyên nhân làm tăng giá thành, từ đó có biện pháp khắc phục kịp thời.

X. HẠCH TOÁN HOẠT ĐỘNG XÂY LẮP THEO PHƯƠNG THỨC KHOẢN GỌN

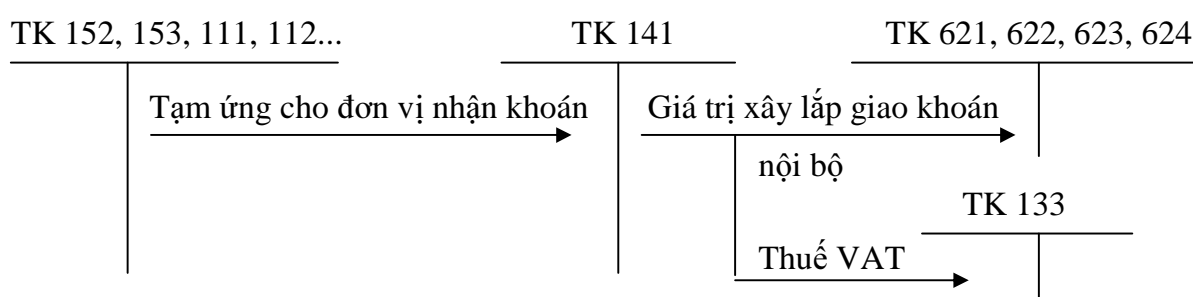
Chuyển sang cơ chế thị trường, hoạt động xây dựng cơ bản có nhiều thay đổi. Một trong những thay đổi đó là phương thức khoán gọn trong xây lắp được sử dụng ngày càng phổ biến. Các đơn vị nhận khoán (xí nghiệp, tổ, đội...) có thể nhận khoán gọn khối lượng, công việc hoặc hạng mục công trình. Giá nhận khoán bao gồm cả chi phí tiền lương, vật liệu, công cụ dụng cụ thi công, chi phí chung.

Khi nhận khoán, hai bên giao khoán và nhận khoán phải lập hợp đồng giao khoán trong đó ghi rõ nội dung công việc, trách nhiệm, quyền lợi mỗi bên và thời hạn thực hiện hợp đồng. Khi hoàn thành công trình nhận khoán và bàn giao, hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng.

1. Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng

1.1 Hạch toán tại đơn vị giao khoán

Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất tại đơn vị giao khoán



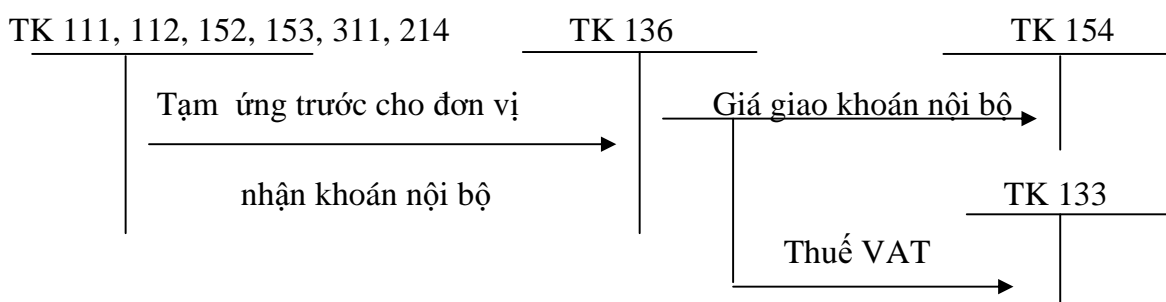
1.2 Hạch toán tại đơn vị nhận khoán

Đơn vị nhận khoán không có bộ máy kế toán riêng mà chỉ có nhân viên thực hiện công tác ghi chép ban đầu và mở sổ theo dõi khối lượng xây lắp nhận khoán cả về giá trị nhận khoán và chi phí thực tế theo từng khoản mục chi phí. Số chênh lệch giữa chi phí thực tế với giao khoán là mức tiết kiệm hoặc vượt chi của đơn vị nhận khoán.

2. Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng

2.1 Hạch toán tại đơn vị giao khoán

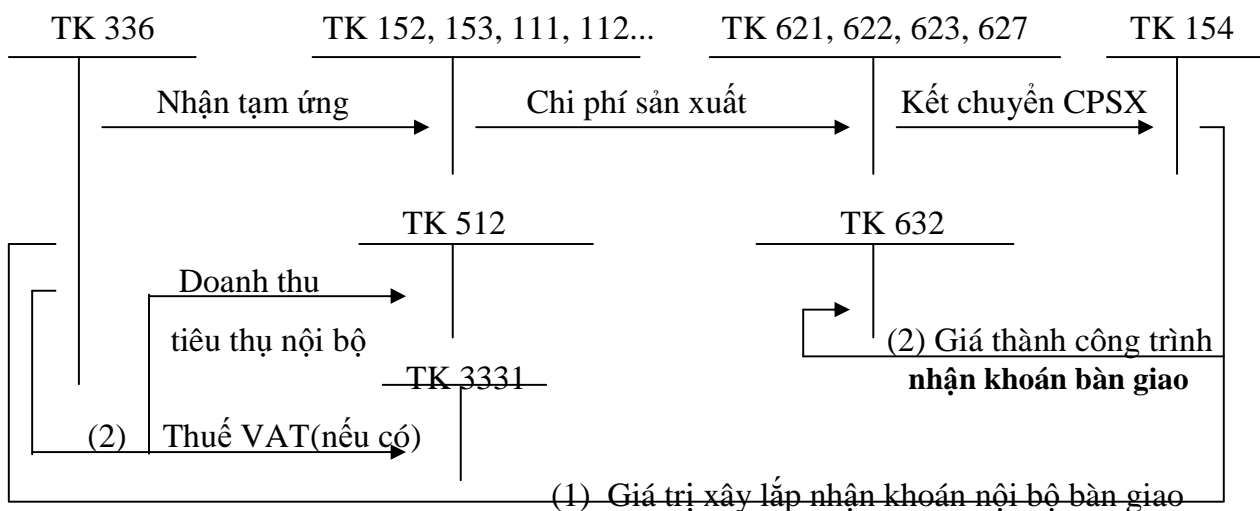
Kế toán tại đơn vị cấp trên (đơn vị giao khoán) sử dụng tài khoản 136 (1362 – phải thu về giá trị khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ) để phản ánh toàn bộ giá trị mà đơn vị ứng về vật tư, tiền, khấu hao tài sản cố định...cho các đơn vị nhận khoán nội bộ, chi tiết theo từng đơn vị. Đồng thời tài khoản này cũng sử dụng để phản ánh giá trị xây lắp hoàn thành nhận bàn giao từ các đơn vị nhận khoán nội bộ có phân cấp quản lý riêng. Tài khoản này theo quy định chỉ sử dụng ở đơn vị giao khoán.



2.2 Hạch toán tại đơn vị nhận khoán

Kế toán đơn vị cấp dưới (đơn vị nhận khoán) sử dụng tài khoản 336 (3362- phải trả về giá trị khối lượng xây lắp nội bộ) để phản ánh tình hình nhận tạm ứng và quyết toán giá trị khối lượng xây lắp nhận khoán nội bộ với đơn vị giao khoán (cấp trên).

Sơ đồ hạch toán tại đơn vị hạch toán



(1) - Đơn vị nhận khoán không hạch toán kết quả

(2) - Đơn vị nhận khoán hạch toán kết quả

IX. MÔ HÌNH HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH CỦA CÁC NƯỚC.

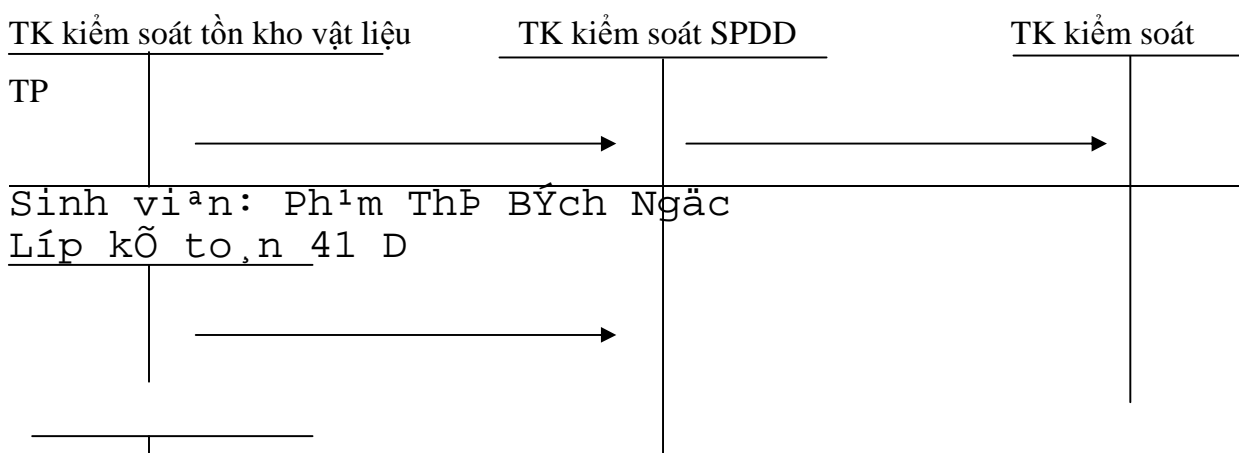
1. Mô hình của nước Mỹ

Trong kế toán Mỹ, thuật ngữ “chi phí” được sử dụng để phản ánh giá trị của các nguồn lực đã hao phí để có được các hàng hoá, dịch vụ. Cơ sở của kế toán chi phí sản xuất là các đơn đặt hàng hay hệ thống đơn đặt hàng. Do đó, hạch toán chi phí nhấn mạnh tới kiểm soát chi phí từng đơn đặt hàng thông qua tài khoản “kiểm soát sản phẩm dở dang” (mở cho từng đơn đặt hàng) và theo dõi trên các sổ tổng hợp và sổ chi tiết sản phẩm dở dang. Chi phí sản xuất cũng được chia ra làm 3 khoản mục: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung nhưng khác với kế toán Việt Nam, chi phí nguyên vật liệu phụ được gọi là chi phí vật liệu gián tiếp và được tính vào chi phí sản xuất chung.

Còn giá thành sản phẩm thì được chia ra làm hai loại: giá phí sản xuất là các giá phí liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm và giá thành chung cho kỳ là các giá phí liên quan đến hoạt động bán hàng và các hoạt động chung của kỳ kế toán. Như vậy, giá thành chung bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Giống như kế toán Việt Nam, hạch toán hàng tồn kho tại Mỹ cũng theo 2 phương pháp: phương pháp KKTX và phương pháp KKĐK. Hạch toán tổng hợp của kế toán Mỹ cũng giống như kế toán Việt Nam do có quan niệm giống nhau về bản chất, chức năng của chi phí và giá thành. Quy trình hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp KKTX được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp KKTX (kế toán Mỹ)



Chi phí vật liệu trực tiếp	Giá trị sản phẩm
	hoàn thành trong kỳ

TK lương phải trả CNSX

Kết chuyển

TK chi phí sản xuất chung

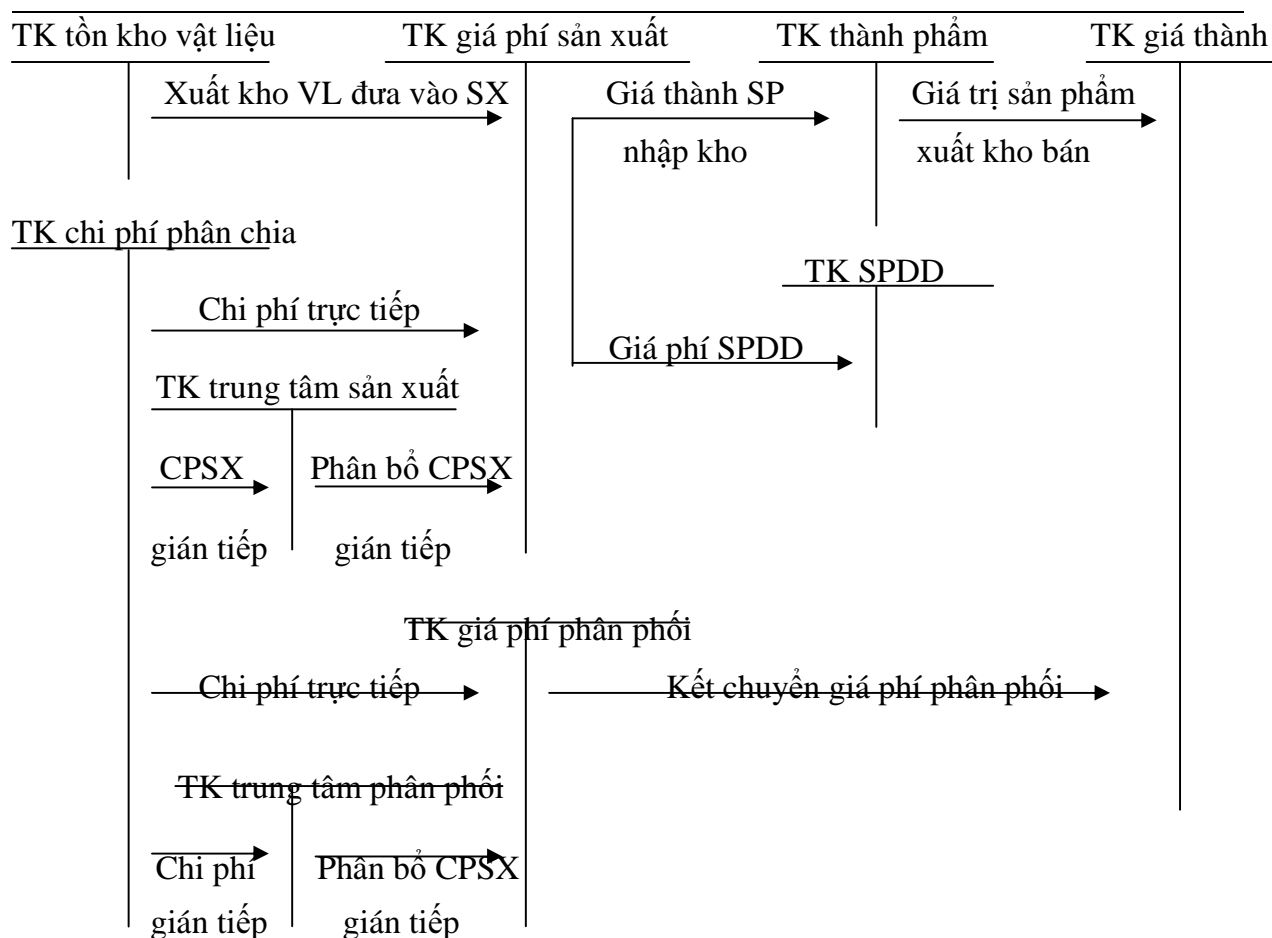
Chi phí sản xuất chung
phân bổ cho sản xuất

2. Mô hình của Pháp

Theo chế độ kế toán của Pháp thì chi phí được định nghĩa là số tiền bỏ ra để mua các yếu tố cần thiết nhằm tạo ra sản phẩm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp. Chi phí bao gồm chi phí mua hàng hoá, vật tư, các loại dự trữ cho sản xuất và các phí tổn phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các loại chi phí trực tiếp được đưa thẳng vào các loại giá phí hoặc có thể đưa thẳng một phần vào giá thành. Các chi phí gián tiếp được phân chia làm hai đợt: đợt 1 (phân chia sơ khởi) và đợt 2 (phân chia thực thụ), sau đó mới sung dương chi phí gián tiếp vào các loại giá phí.

Còn giá thành thì bao gồm: giá phí sản xuất và giá phí phân phối. Giá phí sản xuất, giá phí phân phối là những hao phí vật chất mà doanh nghiệp phải đầu tư để thực hiện các giai đoạn sản xuất, giai đoạn phân phối. Như vậy, kế toán Pháp có quan niệm giống kế toán Việt Nam về bản chất và chức năng của chi phí nhưng lại khác nhau trong quan niệm giá thành. Do đó khác nhau về phương pháp tính toán: Giá thành sản phẩm trong kế toán Việt Nam chính là tổng chi phí sản xuất còn trong kế toán Pháp bao gồm giá phí sản xuất và giá phí phân phối. Một đặc điểm khác biệt nữa đó là kế toán Pháp chỉ sử dụng phương pháp KKĐK để hạch toán chi phí và tính giá thành.

Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Pháp



VI. TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN TRONG HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH

Để đáp ứng yêu cầu quản lý và hạch toán kế toán, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại mỗi doanh nghiệp phải được phản ánh đầy đủ trên một hệ thống sổ kế toán nhất định. Theo chế độ kế toán hiện hành, có tất cả 4 hình thức tổ chức sổ kế toán là: nhật ký sổ cái, nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ.

1. Hình thức nhật ký sổ cái

Hình thức tổ chức sổ này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình kinh doanh đơn giản, chỉ thực hiện một loại hoạt động, có quy mô nhỏ, trình độ quản lý và kế toán thấp, điều kiện lao động thủ công...

Theo hình thức nhật ký- sổ cái, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế. Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trước hết được thực hiện trên các bảng phân

bổ chi phí, sổ chi tiết các tài khoản 621, 622, 623, 627, 154 và tiếp theo trên sổ tổng hợp nhật ký sổ cái. Sau đó, kế toán căn cứ vào các sổ chi tiết chi phí sản xuất, biên bản kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang và nhật ký sổ cái để lập bảng tính giá thành sản phẩm.

2. Hình thức nhật ký chung

Hình thức tổ chức loại sổ này thường được áp dụng trong điều kiện giống như hình thức nhật ký sổ cái và rất phù hợp nếu doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

Theo hình thức sổ này, mọi nghiệp vụ phát sinh đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và cuối kỳ lên sổ cái. Ngoài ra doanh nghiệp còn mở một sổ sổ nhật ký đặc biệt. Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được thực hiện trên các bảng phân bổ chi phí, sổ chi tiết tài khoản và trên hệ thống sổ tổng hợp như nhật ký chung và sổ cái các TK 621, 622, 623, 627, 154. Dựa trên hệ thống sổ chi tiết, sổ cái và kết quả đánh giá sản phẩm dở dang, kế toán tiến hành lập bảng tính giá thành sản phẩm.

3. Hình thức chứng từ ghi sổ.

Đây là hình thức kế toán kết hợp ghi sổ theo thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái. Theo hình thức sổ này, các chứng từ phản ánh các nghiệp vụ kinh tế có cùng nội dung sẽ được tập hợp để đưa lên chứng từ ghi sổ và cuối kỳ lên sổ cái trên cơ sở các chứng từ ghi sổ kèm theo các chứng từ gốc. Việc hạch toán chi phí sản xuất được thực hiện trên sổ kế toán chi tiết theo đối tượng hạch toán chi phí và sổ cái các tài khoản 621, 622, 623, 627, 154. Việc tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp trên sổ cái được căn cứ vào các chứng từ ghi sổ. Hình thức tổ chức sổ này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có mật độ nghiệp vụ phát sinh tương đối lớn và đã có sự phân công lao động kế toán.

4. Hình thức nhật ký – chứng từ

Đây là hình thức tổ chức sổ kế toán dùng để tập hợp và hệ thống các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của tài khoản, kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ đó theo bên Nợ của các tài khoản đối ứng. Để theo dõi chi phí sản xuất kinh doanh, kế toán sử dụng các bảng kê: bảng kê số 4 (tập hợp chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình), bảng kê 5 (tập hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp), bảng kê 6 (tập hợp chi phí trả trước, chi phí phải trả) và nhật ký-chứng từ số 7 (tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp). Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các sổ chi tiết, bảng phân bổ phục vụ cho hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC TẾ VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY XÂY DỰNG 492.

I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY CÓ ẢNH HƯỞNG TỚI CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM.

1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

Công ty xây dựng 492 thuộc Tổng công ty xây dựng Trường Sơn-Bộ quốc phòng là doanh nghiệp nhà nước, tiền thân là Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Trong những năm chống Mỹ cứu nước, Xí nghiệp xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng là đơn vị công binh mở đường thuộc Cục Công binh- Bộ tư lệnh đoàn 559. Từ năm 1975 đến năm 1985, Xí nghiệp tiếp tục mở đường Trường Sơn- con đường huyền thoại trong kháng chiến chống Mỹ. Đến năm 1993, thực hiện nghị định 388/HĐBT về sắp xếp lại doanh nghiệp, Bộ quốc phòng ra quyết định số 251/QĐ-QP đổi tên Xí nghiệp thành Công ty xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng thuộc binh đoàn 12- Bộ quốc phòng. Nhiệm vụ của công ty là xây dựng các công trình giao

thông, thuỷ lợi, kinh doanh vật tư thiết bị với địa bàn hoạt động trên phạm vi cả nước.

Ngày 4/4/1996, theo quyết định số 506/QĐ-QP của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, một lần nữa đổi tên Công ty xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng thành Công ty xây dựng 492. Trong quá trình hoạt động, do thực hiện tốt chức năng của mình, ngày 8/10/1996 Bộ quốc phòng ra quyết định số 1747/QĐ-QP xếp hạng Công ty là doanh nghiệp hạng 1. Đến ngày 11/11/1996, Bộ quốc phòng ban hành điều lệ doanh nghiệp số 121 đồng thời ra quyết định xếp loại Công ty là doanh nghiệp kinh tế-Quốc phòng. Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Đại Kim- Thanh Trì- Hà Nội.

Với cơ sở vật chất ban đầu gần như không có gì đáng kể đến nay Công ty xây dựng 492 đã trưởng thành về mọi mặt, trở thành một Công ty đầu đàn về xây dựng dân dụng công nghiệp mạnh của Tổng công ty xây dựng Trường Sơn. Công ty đã và đang thi công nhiều công trình dân dụng và công nghiệp có quy mô lớn, tốc độ thi công nhanh, kết cấu hiện đại như: viện quân y 108, viện y học dân tộc quân đội, các công trình giao thông thuỷ lợi, viện thận Hà Nội,Trụ sở Kho bạc nhà nước, nhà điều trị bốn tầng ngoại khoa Viện Quân Y 103... Các công trình được đánh giá là thi công với chất lượng tốt, bàn giao đúng tiến độ, hàng hoá đảm bảo chất lượng và giá cả hợp lý.

Vốn mang trong mình một truyền thống mở đường mà đi, đánh địch mà đến chi viện cho các chiến trường chống Mỹ cứu nước của người chiến sĩ Trường Sơn năm xưa, tuy phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường nhưng Công ty đã không ngừng phấn đấu và tự khẳng định mình, luôn hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cấp trên giao phó. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng các công trình thi công, năng động, sáng tạo tìm kiếm và mở rộng thị trường trên khắp đất nước và cả nước bạn Lào. Nhờ thế, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được nâng cao và uy tín của Công ty đối với Bộ, ngành ngày càng được củng cố.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm đã có những bước tiến đáng khích lệ. Tại thời điểm thành lập, công ty có số vốn là 798,5 triệu. Đến nay số vốn của công ty đã tăng lên nhiều lần. Thu nhập bình quân cán bộ, công nhân viên ngày càng tăng. Để đạt được những thành tựu đó là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của lãnh đạo Công ty, các phòng ban và toàn thể cán bộ công nhân viên trong công viên.

Chúng ta có thể xem xét kết quả kinh doanh của công ty qua một vài năm gần đây:

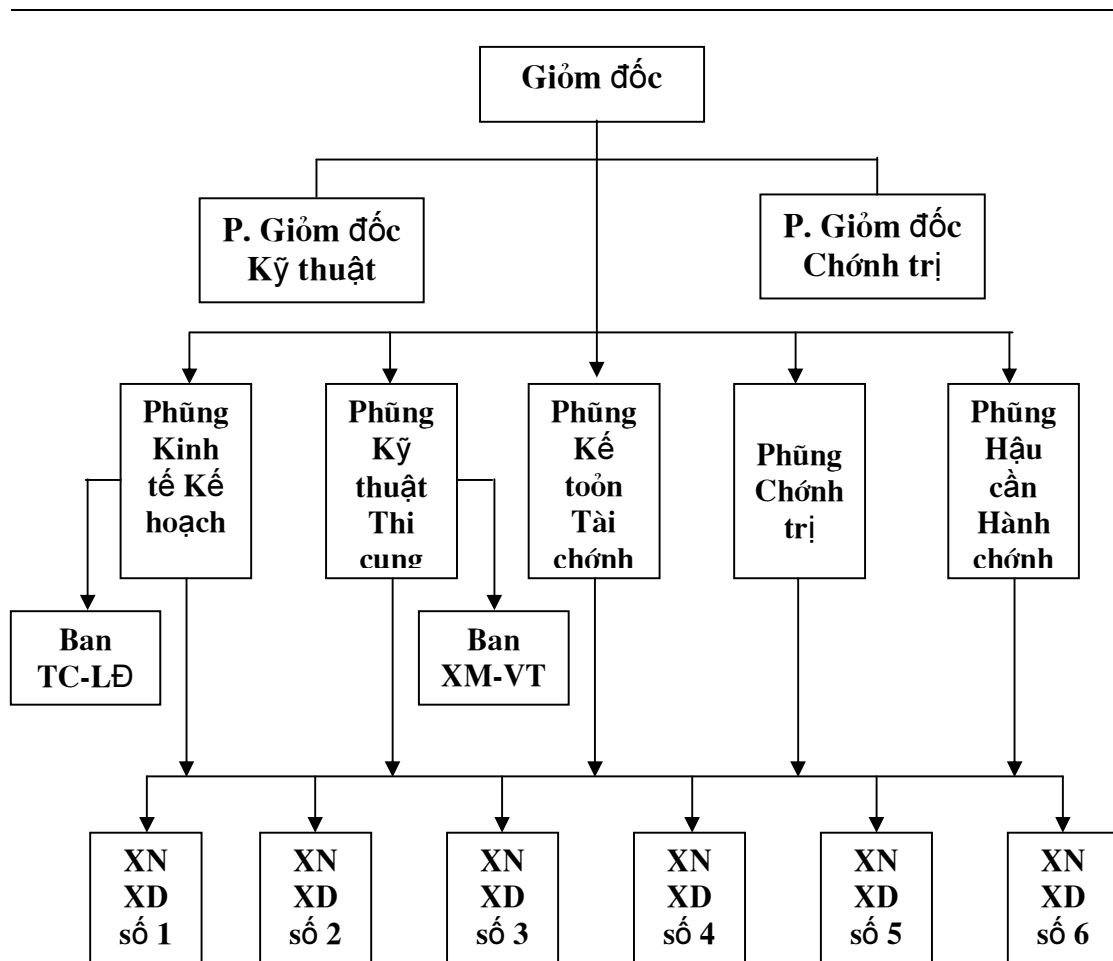
Chỉ tiêu	2000	2001	2002
1. Tổng tài sản	50.968.772.826	40.826.306.677	47.365.864.714
2. Tổng doanh thu	34.831.571.273	38.876.184.471	52.803.337.786
3. Tổng chi phí	33.596.730.310	37.549.099.637	50.419.061.594
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	1.234.840.963	1.327.084.834	2.384.276.192
5. Tổng số nộp ngân sách	2.764.775	2.940.150	3.056.750
6. Tổng quỹ lương	6.120.683.800	6.270.658.870	6.430.658.570
7. Tiền lương bình quân	760.000	850.000	940.000

Trong tương lai, nhu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình thủy lợi và dân dụng...còn rất lớn, đó là những thuận lợi cơ bản cho ngành xây dựng nói chung và cho Công ty xây dựng 492 nói riêng. Tuy nhiên, trong cơ chế thị trường cạnh tranh gay gắt đòi hỏi ban lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty phải không ngừng nâng cao trình độ, tay nghề để xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh hơn.

2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.

Để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh, bộ máy quản lý của Công ty xây dựng 492 được tổ chức theo mô hình trực tuyến, có nghĩa là các phòng ban tham mưu cho lãnh đạo Công ty theo chức năng nhiệm vụ của mình, giúp ban giám đốc nắm rõ được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý trong Công ty.



Giám đốc công ty: Do hội đồng quản trị Tổng công ty Trường Sơn bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc. Giám đốc công ty là người lãnh đạo cao nhất của Công ty, chịu trách nhiệm trước Nhà nước, trước Tổng công ty về mọi mặt sản xuất kinh doanh, đồng thời là người đại diện cho quyền lợi của cán bộ công nhân viên toàn Công ty, có quyền hạn cao nhất trong công ty như: tổ chức điều hành các hoạt động của công ty, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các cán bộ, công nhân viên trong công ty...

Phó giám đốc công ty: Giúp Giám đốc công ty theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.

Các phòng ban trong Công ty xây dựng 492

Phòng kinh tế- kế hoạch: Là đầu mối trong công tác tiếp thị tìm kiếm công việc và chuẩn bị hồ sơ mời thầu, đấu thầu; lập, thiết kế, tổ chức thi công nghiệm thu bàn giao công trình phối hợp với phòng tài chính kế toán thanh quyết toán công trình hoàn thành. Bên cạnh đó, luôn nắm bắt thông tin về giá cả, biến động của thị trường để lập định mức, chỉ tiêu đồng thời kiểm tra chất lượng công trình.

Ban tổ chức lao động: Có trách nhiệm bố trí và sắp xếp lao động phù hợp với trình độ và khả năng, quản lý lương, nhân sự, thực hiện các chính sách bảo hiểm trong công ty.

Phòng kỹ thuật- thi công: theo dõi, bám sát tiến độ thi công các công trình, quản lý và tổ chức thực hiện xây dựng cơ bản theo quy chế và pháp luật của Nhà nước hiện hành đồng thời nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng vào thi công, tổ chức nghiệm thu khối lượng công trình.

Ban vật tư- xe máy: quản lý phương tiện kỹ thuật phục vụ thi công trong toàn Công ty, lập kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị đảm bảo yêu cầu, chất lượng, chủng loại theo thiết kế được duyệt của các dự án, công trình thi công

Phòng kế toán tài chính: Xây dựng kế hoạch, khai thác và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, đảm bảo bảo toàn và phát triển nguồn vốn; tổ chức thực hiện và chỉ đạo hướng dẫn các xí nghiệp trực thuộc hạch toán báo sổ với Công ty đồng thời thực hiện chế độ báo cáo tài chính với cấp trên và các cơ quan chức năng Nhà nước theo đúng chế độ, tiến hành phân tích các chỉ tiêu kinh tế tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Phòng chính trị: Thực hiện công tác tổ chức xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao tư tưởng chính trị cho cán bộ, công nhân viên. Quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ công nhân viên toàn đơn vị. Thực hiện công tác khen thưởng đối với những đối tượng có thành tích cao trong sản xuất kinh doanh.

Phòng hậu cần- hành chính: thực hiện chức năng quản lý hành chính trong đó có hậu cần quân nhu, quân trang, quân y, doanh trại, công tác phục vụ, văn thư bảo mật lưu trữ, thông tin liên lạc...

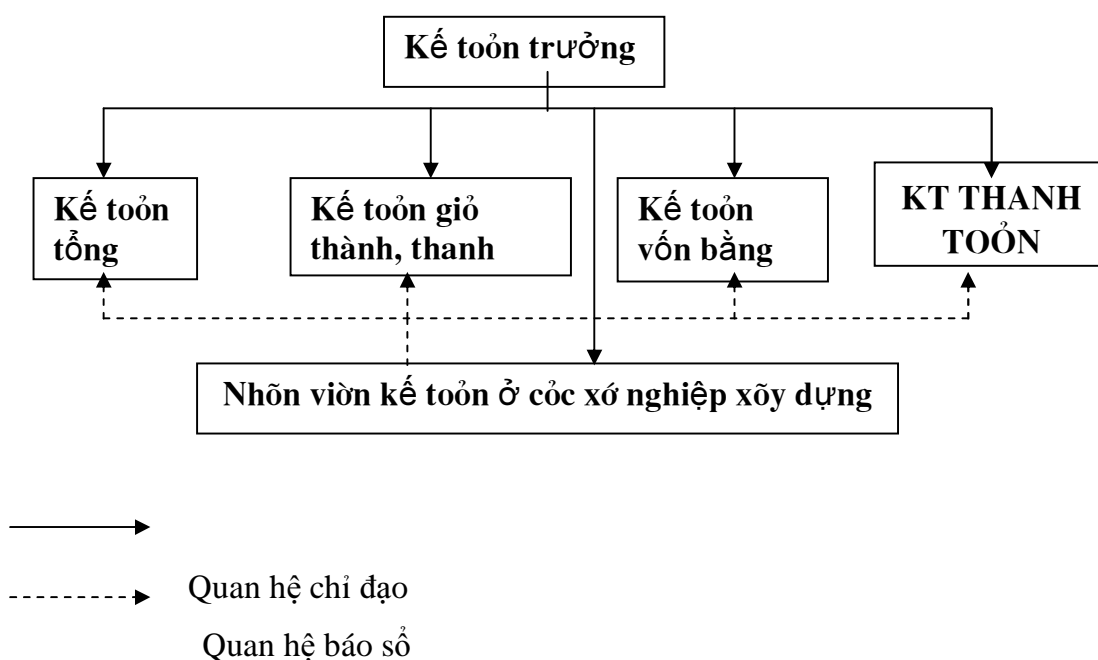
Các xí nghiệp xây dựng trực thuộc: chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty về mọi mặt, có nhiệm vụ thi công xây lắp công trình, thực hiện hạch toán kinh tế phụ thuộc, chịu sự ràng buộc với Công ty về quyền lợi và nghĩa vụ.

3. Tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại Công ty.

3.1. Đặc điểm chung

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán của Công ty có 5 người, gồm một kế toán trưởng và 4 kế toán viên, dưới nữa là các nhân viên kế toán của các xí nghiệp. Kế toán xí nghiệp có trách nhiệm thiết lập chứng từ ghi chép ban đầu, tập hợp chứng từ ở công trường rồi chuyển cho kế toán Công ty theo định kỳ. Phòng kế toán Công ty thực hiện tổng hợp tài liệu từ các xí nghiệp trực thuộc, tổ chức mở sổ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho từng công trình, hạng mục công trình, từ đó xác định lỗ lãi cho từng công trình và cho toàn Công ty.

Sơ đồ 2: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



3.2. Chức năng và nhiệm vụ của bộ máy kế toán

Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm điều hành chung công tác tổ chức hạch toán kế toán của Công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc và cơ quan tài chính cấp trên về mọi mặt hoạt động kế toán tài chính của Công ty, hướng dẫn chỉ đạo công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ, thể lệ quy định của nhà nước đồng thời quản lý tài chính tránh thất thoát, chi sai mục đích.

Kế toán tổng hợp: Phụ trách tổng hợp các phân hành kế toán đồng thời quản lý tài sản cố định, tổng hợp giá thành toàn công ty, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận theo quy định; thực hiện đầy đủ kịp thời chế độ báo cáo tài chính kế toán và các báo cáo khác theo yêu cầu quản lý.

Kế toán giá thành, thanh toán và quản lý đơn vị: Trực tiếp kiểm tra phê duyệt quyết toán cho các đơn vị và phân rõ các khoản chi phí theo từng công trình hạng mục công trình theo đúng quy định để chuyển cho kế toán tổng hợp ghi chép kịp thời đầy đủ, có trách nhiệm cùng chủ đầu tư thanh toán thu hồi vốn công trình đảm bảo thu hồi vốn nhanh, kịp thời, đầy đủ.

Kế toán thanh toán ngân sách nhà nước: Có nhiệm vụ cùng với kế toán ở xí nghiệp tổ chức thực hiện kê khai nộp thuế ở các địa phương nơi đơn vị đơn vị tham gia thi công công trình, hàng quý thanh quyết toán thuế đầu vào của các công trình đội thi công, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, lập bảng thanh toán lương cho cán bộ nhân viên trong công ty.

Kế toán vốn bằng tiền: quản lý, bảo đảm an toàn tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng; ghi chép kịp thời phát sinh tài khoản tiền gửi, tiền vay, đối chiếu thường xuyên với ngân hàng; thường xuyên đối chiếu, so sánh tiền mặt tồn quỹ với sổ sách để phát hiện và xử lý kịp thời sai sót.

3.3. Đặc điểm của hệ thống tài khoản và hình thức sổ kế toán tại Công ty.

Bên cạnh những nét chung, ngành xây dựng cơ bản có những nét đặc thù riêng chi phối công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp như đặc điểm về sản phẩm, chu kỳ và phương thức tổ chức sản xuất, tiêu thụ... Xuất phát từ những đặc điểm đó cùng

với yêu cầu của quản lý và điều kiện cụ thể của Công ty mà hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức sổ kế toán của Công ty được áp dụng như sau:

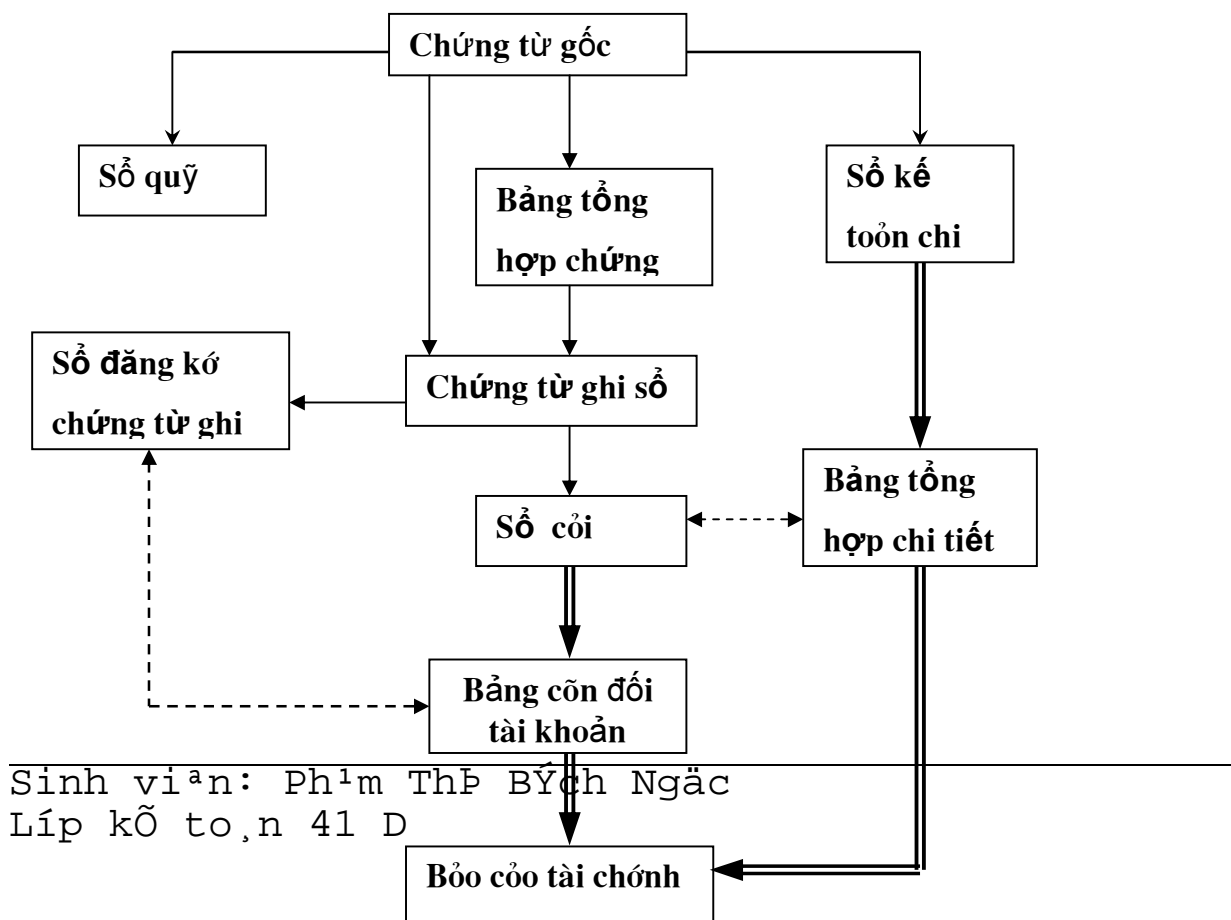
Công ty có hệ thống chứng từ ban đầu tuân theo biểu mẫu quy định của Bộ tài chính, ghi chép đầy đủ, rõ ràng, hợp lệ. Bên cạnh đó, Công ty còn có một số chứng từ và sổ sách đặc thù phục vụ cho công tác hạch toán tại Công ty.

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 1141/TC-QĐ/CĐKT ngày 01/11/1995 và quyết định số 1864/1998/QĐ/BTC ngày 16/12/1998(chế độ kế toán áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp).

Hình thức sổ kế toán hiện nay Công ty đang áp dụng là hình thức “chứng từ ghi sổ” rất thuận tiện và phù hợp với khả năng, trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các báo cáo tài chính công ty lập theo đúng biểu mẫu quy định do Bộ tài chính ban hành, ngoài ra Công ty còn lập một số báo cáo khác phục vụ mục đích quản trị như báo cáo tình hình thu chi quỹ tiền mặt, báo cáo sử dụng nguồn vốn khấu hao cơ bản, báo cáo tình hình phân phối lợi nhuận sau thuế, báo cáo tình hình quân số và thu nhập.

Sơ đồ 3: trình tự ghi chép sổ sách



Ghi hàng ngày
Quan hệ đối chiếu
Ghi cuối tháng, cuối quý

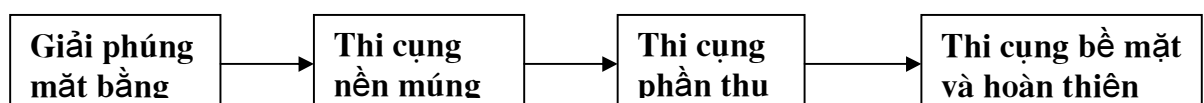
4. Đặc điểm quy trình sản xuất của công ty xây dựng 492

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng mang tính chất công nghiệp nhằm tái sản xuất tài sản cố định cho tất cả các ngành trong nền kinh tế quốc dân, tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho xã hội. Sản phẩm xây lắp là các công trình, vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất kéo dài...Do vậy, để có được một công trình xây dựng hoàn thành, bàn giao cho chủ đầu tư thì phải trải qua các bước công việc sau:

Trước hết, khi có công trình gọi thầu, cán bộ phòng kỹ thuật và quản lý công trình sẽ xem xét thiết kế cũng như yêu cầu kỹ thuật để lập giá trị dự toán theo từng công trình, hạng mục công trình, từ đó lập hồ sơ dự thầu. Sau khi lập hồ sơ dự thầu, công ty gửi đến đơn vị khách hàng để tham gia đấu thầu nếu trúng thầu sẽ tiến hành tổ chức thi công công trình.

Về công nghệ sản xuất, Công ty sử dụng phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy. Có thể khái quát quy trình công nghệ sản xuất của Công ty như sau:

Sơ đồ 4: Đặc điểm quy trình công nghệ



Đối với các công việc đơn giản như dọn dẹp, giải phóng mặt bằng, thi công bề mặt và hoàn thiện, Công ty sử dụng lao động thủ công; còn công việc thi công nền móng và thi công phần thô, tùy theo yêu cầu của công việc và xem xét hiệu quả kinh tế, Công ty có thể sử dụng xe máy thi công thay cho lao động thủ công.

II.ĐẶC ĐIỂM HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY XÂY DỰNG 492.

1.Đối tượng hạch toán chi phí và tính giá thành.

Đứng trên lĩnh vực kế toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Đảm bảo việc hạch toán giá thành đúng, đủ, kịp thời phù hợp với đặc điểm hình thành và phát sinh chi phí là yêu cầu có tính xuyên suốt trong quá trình hạch toán tại doanh nghiệp. Để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được chính xác đòi hỏi công việc đầu tiên mà kế toán phải làm là xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản phẩm của Công ty xây dựng 492 có đặc điểm: sản xuất theo đơn đặt hàng, sản phẩm có tính đơn chiếc, quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sản xuất kéo dài. Do đó, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm được Công ty xác định là từng công trình, hạng mục công trình. Đồng thời tuân theo quy định hiện hành về phương pháp hạch toán hàng tồn kho trong xây lắp, Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2. Đặc điểm các khoản mục.

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính giá thành, Công ty xây dựng 492 tiến hành phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung. Các công trình trước khi bắt

đầu thi công đều được Công ty lập dự toán theo từng khoản mục phí trên và đó là cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm toàn bộ giá trị vật liệu cần thiết để tạo ra sản phẩm hoàn thành. Giá trị vật liệu bao gồm giá trị thực tế của vật liệu chính, vật liệu phụ... cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành công trình trong đó không kể đến vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng phục vụ cho máy móc, phương tiện thi công.

Chi phí nhân công trực tiếp của Công ty bao gồm các khoản chi trả lương cho người lao động trực tiếp xây lắp các công trình không kể các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính trên quỹ lương của công nhân trực tiếp sản xuất.

Chi phí sử dụng máy thi công là những khoản chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công để hoàn thành sản phẩm của Công ty bao gồm khấu hao máy thi công, tiền lương của công nhân vận hành máy (không kể các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ tính theo tiền lương của công nhân vận hành máy thi công).

Chi phí sản xuất chung là chi phí phục vụ cho sản xuất nhưng không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương của ban quản lý đội, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính trên quỹ lương của công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân vận hành máy, nhân viên quản lý đội, xí nghiệp, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài, khấu hao...

3. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành

Công ty xây dựng 492 sử dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành công trình, hạng mục công trình. Do Công ty giao khoán cho các đơn vị trực thuộc theo hình thức khoán gọn nên kế toán ở Công ty không phải theo dõi nguyên vật liệu, thù lao lao động ở đội, xí nghiệp. Hàng tháng, sau khi các chứng từ cùng các bảng kê được kế toán đội tập hợp lên, kế toán Công ty sẽ tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của

các chứng từ, loại trừ các khoản chi phí không hợp lý sau đó phân loại các khoản chi phí để tập hợp vào các khoản mục phí (được thể hiện trên các sổ chi tiết các tài khoản chi phí) rồi vào sổ cái các TK 621, TK 622, TK 623, TK 627. Cuối quý, kết chuyển các khoản chi phí để tính giá thành sản phẩm.

III. HẠCH TOÁN CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

1. Đặc điểm chi phí nguyên vật liệu

Để thực hiện quá trình xây lắp, vật liệu đóng một vai trò quan trọng trong các yếu tố chi phí đầu vào. Đối với Công ty, nguyên vật liệu trực tiếp là khoản mục chi phí cơ bản và chiếm tỉ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất. Hơn nữa, vật liệu sử dụng trực tiếp cho thi công gồm nhiều chủng loại khác nhau, có tính năng công dụng khác nhau và được sử dụng cho các mục đích khác nhau. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của việc quản lý tốt chi phí nguyên vật liệu của Công ty nhằm tập hợp chính xác, đầy đủ chi phí nguyên vật liệu trong việc tính giá thành sản phẩm đồng thời cũng phải tìm ra các biện pháp sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu góp phần giảm chi phí và hạ giá thành.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty bao gồm các nguyên vật liệu phục vụ cho xây dựng như sắt, thép, sỏi, đá các loại, cát, gạch, xi măng, nhựa đường, dầu, củi nấu nhựa đường...Do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, đặc điểm của sản phẩm xây lắp là địa điểm phát sinh chi phí ở nhiều nơi khác nhau nên để thuận tiện cho việc thi công, nguyên vật liệu được đội, xí nghiệp chủ động mua và chuyển thẳng đến công trường mà không tập hợp qua kho của Công ty nhờ vậy giảm bớt được chi phí vận chuyển từ kho Công ty đến các công trình, tránh được hao hụt, mất mát khi vận chuyển đồng thời nâng cao tính chủ động trong việc điều hành quản lý sản xuất, đảm bảo thi công đúng tiến độ.

2. Nội dung hạch toán

Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Công ty sử dụng TK 621- chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình,

hạng mục công trình. Đồng thời tuân theo quy định hiện hành về phương pháp hạch toán hàng tồn kho trong xây lắp, Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Đối với vật tư xuất dùng, Công ty áp dụng phương pháp giá thực tế đích danh đã giúp cho công tác tính giá được thực hiện kịp thời, chính xác.

Sau khi nhận được công trình giao khoán từ Công ty, xí nghiệp tiến hành triển khai thi công dưới sự chỉ đạo, giám sát của đội trưởng và các cán bộ kỹ thuật. Căn cứ vào yêu cầu về lượng vật tư của công việc, tiến độ thi công công trình, hạng mục công trình, nguyên vật liệu mua về sẽ được nhân viên kế toán đội, xí nghiệp nơi công trường thi công kiểm tra về mặt số lượng, chủng loại, quy cách, phẩm chất vật tư và lập phiếu nhập kho. Sau đó, căn cứ vào nhu cầu sử dụng, kế toán lập phiếu xuất kho. Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho được lập làm hai liên, một liên thủ kho theo dõi số lượng, chủng loại và giữ để làm căn cứ khi có đoàn xuống kiểm tra, thanh tra. Một liên kế toán xí nghiệp giữ và làm căn cứ ghi vào thẻ kho. Cuối mỗi tháng, căn cứ vào toàn bộ số phiếu nhập kho, xuất kho phát sinh trong tháng, kế toán xí nghiệp lập bảng tổng hợp vật tư nhập kho, bảng tổng hợp vật tư xuất kho từng công trình.

Biểu 1

CÔNG TY XÂY DỰNG 492

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 5

BẢNG KÊ NHẬP KHO VẬT TƯ

Số hiệu: 95

Tháng 10 năm 2002

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ thuật, 41 D

Công trình: Đường Hùng Vương- Lạng

Son

Chứng từ		Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Số tiền
SH	NT			Theo CT	Thực nhập		
115	9/10	Đá hộc	m3	1.350	1.350	45.000	60.750.000
156	11/10	Đá 1x2	m3	750	750	115.000	86.250.000
117	12/10	Thép Φ 16	kg	480	480	4.700	2.256.000
...
		Cộng					435.698.000

Ngày 30 tháng 10 năm 2002

Giám đốc xí nghiệp

Người lập

Biểu 2

CÔNG TY XÂY DỰNG 492

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 5

BẢNG KÊ XUẤT KHO VẬT

TƯ

Số hiệu: 102

Tháng 10/2002

Công trình: Đường Hùng Vương- Lạng Sơn

Chứng từ		Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền
SH	NT					
135	14/10	Đá hộc	m3	1.350	45.000	60.750.000
136	14/10	Đá 1x2	m3	750	115.000	86.250.000
137	14/10	Thép Φ 16	kg	480	4.700	2.256.000
...
		Cộng				435.698.000

Ngày 30 tháng 10 năm 2002

Giám đốc xí nghiệp

Người lập

Cuối tháng, sau khi lập xong bảng tổng hợp vật tư nhập kho, bảng tổng hợp vật tư xuất kho, kế toán xí nghiệp tập hợp các chứng từ gốc cùng các chứng từ liên quan nộp về phòng tài chính kế toán của Công ty.

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ toán 41 D

Tại Công ty sau khi nhận được chứng từ gốc cùng các bảng kê, kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ và tiến hành lập chứng từ ghi sổ.

Biểu 3

CÔNG TY XÂY DỰNG 492

CHỨNG TỪ GHI SỔ – số 450

Ngày 1 tháng 11 năm 2002

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
		Chi phí NVLTT đường Hùng Vương – L.Sơn tháng 10	621	1365	435.689.000
		Cộng			435.689.000

Kèm theo... chứng từ gốc

Kế toán trưởng

Người lập

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 621. Đồng thời, căn cứ vào chứng từ gốc và bảng kê vật tư xuất kho kế toán vào sổ chi tiết TK 621.

Biểu 4

CÔNG TY XÂY DỰNG 492

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Trang 11

CTGS		Số tiền	CTGS		Số tiền
SH	NT		SH	NT	
				
450	1/11	435.689.000			
				
	Cộng			Cộng	

Biểu 5

CÔNG TY XÂY DỰNG 492

SỔ CHI TIẾT TK 621 - CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Công trình đường Hùng Vương – Lạng Sơn

Quý IV/ 2002

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ toán 41 D

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
135	14/10	Xuất đá học	1365	60.750.000	
				
		Cộng phát sinh tháng 10		435.689.000	
				
		K/c CPNVLTQT quý IV	154		1.445.755.830
		Cộng phát sinh		1.445.775.830	1.445.755.830

Biểu 6 CÔNG TY XÂY DỰNG 492

SỔ CÁI TK 621 - CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Quý IV/2002

NT	CTGS		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1/11	450	1/11	Chi phí NVLTQT thi công đường HVương-Lson tháng 10	136.5	435.689.000	
					
		31/12	Kết chuyển CPNVLTQT cho thi công đường HVương tháng 10	154		1.445.755.830
					
			Tổng phát sinh		7.435.123.540	7.435.123.540

IV. HẠCH TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

1. Đặc điểm chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là một trong những yếu tố cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm. Quản lý tốt chi phí nhân công trực tiếp cũng như việc hạch toán đúng và đầy đủ có tác dụng giúp Công ty sử dụng tốt lao động, hạ giá thành sản phẩm.

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ thuật 41 D

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản trả cho công nhân trực tiếp sản xuất gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp theo lương, không bao gồm tiền ăn ca và các khoản trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm kinh tế và kinh phí công đoàn).

Công ty trả lương cho cán bộ, công nhân viên theo phương pháp chức danh căn cứ vào Nghị định 28/CP của chính phủ, Thông tư số 3092 /QP của Bộ quốc phòng quy định mức lương tối thiểu phải đảm bảo mức lương quốc phòng, tỷ lệ trích BHXH, BHYT, KPCĐ phải căn cứ vào tổng mức lương quốc phòng (lương cơ bản) để tính. Vì thế, tại Công ty xây dựng 492 và các xí nghiệp xây dựng hiện nay có hai hình thức trả lương:

Hình thức trả lương theo thời gian (lương đơn vị): áp dụng cho cán bộ công nhân viên thuộc Công ty, xí nghiệp như nhân viên kỹ thuật, kế toán, thống kê... Bộ phận này được hưởng lương theo chức vụ nghề nghiệp, thâm niên công tác. Chứng từ để tính lương theo thời gian là bảng chấm công và cấp bậc lương. Dưới các xí nghiệp có trách nhiệm theo dõi ngày công, thời gian làm việc. Với bộ phận lương đơn vị hàng tháng được tính như sau:

Tiền lương cơ bản =(lương tối thiểu x hệ số lương) + thâm niên + lương chức vụ + chênh lệch (nếu có).

Cuối tháng nhân viên kế toán đội, xí nghiệp căn cứ vào mức lương lập bảng danh sách lương và quỹ tiền lương quốc phòng và phân phối cho nhân viên làm hai kỳ: Tạm ứng lương kỳ1 và Trả lương kỳ 2.

Hình thức trả lương theo sản phẩm: áp dụng cho đội ngũ lao động trực tiếp tham gia thi công và đối với những công việc có thể định mức được hao phí nhân công. Đó là khoản tiền công trả cho người lao động phổ thông thuê ngoài của xí nghiệp (công nhân xây dựng, thuê nhân công san lấp mặt bằng, phá dỡ công trình...). Với bộ phận này thường áp dụng hình thức trả theo khối lượng công việc hoàn thành, hợp đồng thuê khoán gọn bên ngoài với mức khoán gọn dựa vào khối

lượng phần công việc. Mức tiền công phụ thuộc vào mức giá nhân công của từng địa phương và đặc điểm của từng công việc. Theo hình thức này, bảng chấm công, các hợp đồng giao khoán, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, biên bản thanh toán khối lượng hoàn thành (bản thanh lý hợp đồng) là chứng từ ban đầu để tính lương và trả lương theo sản phẩm.

Tiền lương theo sản phẩm = đơn giá khoán x khối lượng thi công thực tế.

Mẫu hợp đồng thuê nhân công.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LÀM KHOÁN

(V/v: thuê nhân công sửa lề đường cho đường Hùng Vương-Lạng Sơn)

Căn cứ vào pháp lệnh hợp đồng kinh tế...

Căn cứ vào điều lệ quản lý XD/CB...

Căn cứ vào chức năng quyền hạn của các đơn vị có liên quan...

Hôm nay, ngày 20 tháng 10 năm 2002.

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên giao thầu: Xí nghiệp xây dựng số 5 – Công ty xây dựng 492.

Ông: Phạm Tiến Đạt- Chức vụ: Giám đốc xí nghiệp.

Địa chỉ:

2. Đại diện bên nhận thầu: Đội lao động địa phương.

Ông: Nguyễn Viết Khôi- Địa chỉ:

Hai bên cùng nhau bàn bạc thống nhất:

Điều 1: Nội dung công việc:

Thuê công nhân theo máy san lề đường cho từng lớp đất và đất lề đường, đắp bao taluy.

Đơn giá: 18.000 đ/ công.

Điều II: Tiến độ thực hiện...

Điều III: Thể thức nghiệm thu và thanh toán...

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp Kỹ thuật, 41 D

Điều IV: Trách nhiệm của mỗi bên...

Điều V: Điều kiện chung...

Đại diện bên A

Đại diện bên B

2. Nội dung hạch toán

Tại Công ty xây dựng 492, khoản mục chi phí nhân công trực tiếp được hạch toán vào tài khoản 622- chi phí nhân công trực tiếp. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Hàng tháng theo thực tế khối lượng công việc đã làm cán bộ kỹ thuật và kế toán xí nghiệp nghiệm thu khối lượng cho các tổ, đội và lực lượng thuê ngoài. Căn cứ vào bảng nghiệm thu khối lượng, bảng chấm công của các tổ, bộ phận thuê ngoài, kế toán xí nghiệp lập bảng thanh toán lương.

Cuối tháng, khi kế toán đội, xí nghiệp thanh toán chứng từ về tiền lương, kế toán tổng hợp tiến hành kiểm tra tính pháp lý của chứng từ và lập chứng từ ghi sổ.

Biểu 7

ÔNG TY XÂY DỰNG 492

CHỨNG TỪ GHI SỔ – số 458

Ngày 1 tháng 11 năm 2002

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
		Chi phí NCTT đường Hùng Vương – L.Sơn tháng 10	622	1365	54.750.890
		Cộng			54.750.890

Kèm theo:... chứng từ gốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào sổ cái TK 622.

Đồng thời từ chứng từ gốc, kế toán vào sổ chi tiết TK 621.

Biểu 8

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

TRANG 12

CTGS	Số tiền	CTGS	Số tiền
------	---------	------	---------

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ toán 41 D

SH	NT		SH	NT	
				
450	1/11	435.689.000			
				
458	1/11	54.750.890			
	Cộng	xxxx		Cộng	

Biểu 9 **SỔ CHI TIẾT TK 622 - CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP**
Công trình đường Hùng Vương – Lạng Sơn
Quý IV/ 2002

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
	1/11	CPNCTT tháng 10	1365	54.750.890	
	1/12	CPNCTT tháng 11	1365	57.125.650	
	31/12	CPNCTT tháng 12	1365	58.376.360	
		K/c CPNCTT quý IV	154		170.252.900
		Cộng phát sinh		1.445.775.830	1.445.755.830

Biểu 10 **SỔ CÁI TK 622 - CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP**
Quý IV/2002

NT	CTGS		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1/11	458	1/11	Chi phí NCTT đường HVương- Lson tháng 10	136.5	54.750.890	
1/11	463	1/11	CPNCTT đường 239- Lson tháng 10	136.5	22.450.780	
					
		31/12	Kết chuyển CPNVLT cho thi công đường HVương tháng 10	154		54.750.890
					
			Tổng phát sinh		1.825.985.130	1.825.985.130

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kế toán 41 D

V. HẠCH TOÁN CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG

1. Đặc điểm chi phí sử dụng máy thi công

Trong sản xuất xây lắp, quy mô thi công thường lớn, cường độ thi công cao. Do vậy, sức lao động của con người đôi khi không đáp ứng được đòi hỏi của công việc. Xuất phát từ thực tế đó, việc sử dụng máy thi công trong hoạt động xây lắp là việc làm tất yếu và có ý nghĩa kinh tế cao. Vì vậy, chi phí sử dụng máy thi công là chi phí đặc thù riêng có trong các doanh nghiệp xây lắp.

Đối với Công ty xây dựng 492, việc sử dụng máy móc thi công có vai trò hết sức quan trọng, đảm bảo cho tiến độ thi công và chất lượng công trình. Việc quản lý, điều động xe, máy thi công cho từng công trình do ban vật tư- xe máy và quản lý công trình đảm nhiệm, Công ty không tổ chức thành đội máy thi công riêng.

Máy thi công ở Công ty xây dựng 492 bao gồm các loại: Máy trộn bê tông 320 lít, Máy LUSKAI KD110, Máy ủi KOMASU, máy ép cọc thủy lực, máy kinh vĩ thủy bình, máy san, máy gạt, máy khoan cọc nhồi...Để tạo quyền chủ động trong việc thi công, Công ty trao quyền quản lý máy thi công cho các đội, xí nghiệp xây dựng trực thuộc hàng tháng có trách nhiệm gửi chi tiết lên ban Xe máy -Vật tư Công ty. Trong trường hợp không có máy thi công phù hợp, các đội có thể thuê ngoài máy thi công. Chi phí phát sinh cho máy thi công của công trình, hạng mục công trình nào thì được hạch toán trực tiếp vào công trình, hạng mục công trình đó.

2. Nội dung hạch toán

Để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công, kế toán sử dụng TK 623- chi phí sử dụng máy thi công. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

*** Đối với máy thi công của Công ty**

Trong tháng, bộ phận kỹ thuật, kế toán công trường có nhiệm vụ kiểm tra xe máy, tập hợp chi phí có liên quan tới máy móc thi công như chi phí nhiên liệu xăng

dầu, tiền lương công nhân lái máy và các khoản trích theo lương, khấu hao máy móc thi công, chi phí khác bằng tiền ...

Đối với chi phí vật liệu chạy máy thi công: Khi có nhu cầu sử dụng, công trường tự lo liệu đi mua nhiên liệu chạy máy bằng tiền tạm ứng. Các khoản chi phí này được hạch toán tương tự như hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Cuối tháng, kế toán công trường tập hợp hoá đơn chứng từ mua nguyên vật liệu cho máy thi công ghi vào bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công.

Tiền lương công nhân điều khiển máy: Hàng tháng căn cứ vào bảng chấm công, kế toán đội lập bảng tính lương và tiến hành tập hợp vào bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công.

Chi phí khấu hao máy thi công: Hàng tháng, quý trên cơ sở mức tính khấu hao cho Tài sản cố định mà Công ty đã đăng ký với cục quản lý vốn và tài sản theo nghị định 1062/NĐ - quy định về mức tính khấu hao cho các loại tài sản cố định, bảng kế hoạch trích khấu hao Tài sản cố định của Công ty. Công ty tiến hành lập bảng tính và phân bổ khấu hao cho từng loại máy móc thi công và tính trực tiếp cho các công trình đang sử dụng máy sau đó mới tiến hành phân bổ cho từng công trình bằng báo nợ xuống các đội sử dụng xem xét và xác nhận.

Ngoài ra, còn một số chi phí khác phục vụ cho hoạt động của máy thi công như: chi phí sửa chữa máy thi công, chi phí bảo hiểm máy thi công, chi phí khác bằng tiền phục vụ cho hoạt động của máy thi công...Để hạch toán các khoản chi phí này, kế toán căn cứ vào các hoá đơn GTGT, hoá đơn mua hàng, hợp đồng thuê sửa chữa máy móc thiết bị...

*** Đối với máy thi công thuê ngoài**

Trong trường hợp Công ty không có loại xe máy phù hợp hoặc do yêu cầu tiến độ công việc không đáp ứng đủ máy móc phục vụ cho việc thi công thì đội tự tổ chức thuê ngoài máy thi công. Phương thức thuê máy được áp dụng là thuê luôn cả máy, người lái và các loại vật tư cho chạy máy (thuê trọn gói). Theo phương thức này,

trong hợp đồng thuê phải xác định rõ khối lượng công việc, và tổng số tiền bên thuê phải trả. Máy thuê ngoài phục vụ cho công trình nào, kế toán hạch toán chi phí thuê máy vào thẳng công trình đó. Cơ sở pháp lý cho công tác hạch toán là hợp đồng thuê máy, biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy, biên bản xác nhận khối lượng giao nhận và biên bản nghiệm thu.

CÔNG TY XÂY DỰNG 492

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XNXD SỐ 5

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ MÁY

Hôm nay, ngày 15 tháng 10 năm 2002

Đại diện cho các bên tham gia ký hợp đồng gồm:

Bên A: Ông Phạm Tiến Đạt

Chức vụ: Giám đốc xí nghiệp.

Địa chỉ : Xí nghiệp xây dựng số 5- Công ty xây dựng 492.

Bên B: Trần Đình Kiên.

Chức vụ: Đội trưởng- Địa chỉ: Công ty cơ giới và lắp máy.

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng thuê máy thi công công trình đường Hùng Vương -Lạng Sơn với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng:

Bên A giao cho bên B thi công cơ giới các công việc với khối lượng và giá cả như sau:

-Thuê máy xúc KOBECO, khối lượng: 15.000 m³, đơn giá: 7.500 đ/m³

- Thuê máy ủi KOMASU, đơn giá: 80.000 đ/ giờ.

Điều 2: Thể thức nghiệm thu và thanh toán...

Điều 3: trách nhiệm mỗi bên...

Điều 4: Thời gian thực hiện hợp đồng...

Điều 5: Điều kiện chung...

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ thuật 41 D

Sau khi tổng hợp được các chứng từ về máy thi công thuê ngoài, kế toán đội tính ra chi phí thuê máy cho thi công công trình theo từng loại máy. Trên cơ sở đó, kế toán đội lập bảng tổng hợp chi phí thuê máy cho từng công trình.

Biểu 11 **BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THUÊ MÁY**
Tháng 10/ 2002 – Công trình: Đường Hùng Vương

STT	Loại máy	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy xúc KOBECO	m ³	3.700	7.500	27.750.000
2	Máy ủi KOMASU	giờ	93	80.000	7.440.000
	Cộng				35.190.000

Cuối tháng, kế toán đội tập hợp toàn bộ chi phí sử dụng máy thi công phát sinh trong tháng lập bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công.

Biểu 12 **BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG**
Công trình: Đường Hùng Vương – L.Sơn
Tháng 10/ 2002

Chứng từ		Nội dung	Số tiền
SH	NT		
405	05/ 10	Mua dầu Diesel	8.700.000
407	15/10	Chi phí thuê ngoài máy thi công	35.190.000
		Công ty bảo nợ khấu hao	10.250.000
		Chi phí nhân công lái máy	3.508.000
....
		Cộng	63.416.000

Sau khi nhận được các chứng từ gốc và bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công, kế toán Công ty lập chứng từ ghi sổ.

Biểu 13

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ thuật 41 D

Ngày 1 tháng 11 năm 2002

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	1/11	CPSDMTC đường Hùng Vương tháng 10	623	136.5	63.416.000
		Cộng			63.416.000

Các chứng từ gốc và bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để vào sổ chi tiết TK 623. Sau đó, từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào sổ cái

Biểu 14 CÔNG TY XÂY DỰNG 492

SỔ CHI TIẾT TK 623

Công trình: Đường Hùng Vương- Lạng Sơn

Quý 4/ 2002

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
405	05/10	Mua dầu Diesel	136.5	8.700.000	
407	15/10	Chi phí thuê máy thi công	136.5	35.190.000	
				
		CPSDMTC phát sinh tháng 10		63.416.000	
				

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ toán 41 D

	31/12	Kết chuyển CPSDMTC quý IV	154		193.001.200
		Cộng số phát sinh		193.001.200	193.001.200

Biểu 15 CÔNG TY XÂY DỰNG 492

SỔ CÁI TK 623- CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG

Quý IV/ 2002

NT	CTGS		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1/11	490	1/11	CPSDMTC đường HVương-Lson tháng 10	136.5	63.416.000	
1/11	495	1/11	CPSDMTC đường 239- L.Son tháng 10	136.5	21.520.400	
					
		31/12	K/C CPSDMTC đường HVương quý IV	154		193.001.200
		31/12	K/C CPSDMTC đường 239-L.Son quý IV	154		63.150.734
			Cộng phát sinh		1.120.980.160	1.120.980.160

VI. HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

1. Đặc điểm chi phí sản xuất chung

Để tiến hành hoạt động sản xuất một cách thuận lợi và đạt hiệu quả, ngoài các yếu tố cơ bản về nguyên vật liệu, lao động trực tiếp sản xuất...thực tế đòi hỏi phải tiêu hao một số yếu tố chi phí khác như: chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ dùng cho quản lý, chi phí tiếp khách, kiểm nghiệm...Những khoản chi phí này tuy không trực tiếp tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp nhưng lại có một vai trò khác rất quan trọng là giúp cho hoạt động sản xuất diễn ra nhịp nhàng, đều đặn. Đó chính là chi phí sản xuất chung. Tại Công ty xây dựng 492, khoản mục chi phí

sản xuất chung được hạch toán vào TK 627- chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Dưới các xí nghiệp khi tập hợp chi phí sản xuất chung tại công trình nào tiến hành phân bổ trực tiếp cho công trình đó. Còn đối với những khoản chi phí sản xuất chung phục vụ cho toàn đội, xí nghiệp thì tiến hành phân bổ theo tiền lương công nhân trực tiếp.

2. Nội dung hạch toán

2.1. Chi phí nhân viên quản lý đội, xí nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý đội, xí nghiệp bao gồm: tiền lương của cán bộ quản lý đội, các khoản trích theo lương của toàn bộ công nhân viên chức của đội, xí nghiệp.

Chứng từ ban đầu để hạch toán tiền lương ban quản lý đội, xí nghiệp là các bảng chấm công. Hình thức trả lương áp dụng là hình thức trả lương theo thời gian. Bộ phận này được hưởng lương theo chức vụ nghề nghiệp, thâm niên công tác. Dưới các xí nghiệp có trách nhiệm theo dõi ngày công, thời gian làm việc, hàng tháng lập bảng thanh toán lương gửi lên Công ty.

Lương cơ bản = (lương tối thiểu x hệ số lương) + thâm niên + lương chức vụ + chênh lệch (nếu có).

Nguyễn văn Dũng: Cấp bậc CNHĐ ngày nhập ngũ 10/1997. HS lương = 1,424

Lương được hưởng = $(210.000 \times 1,424) + 76896 + 206784 = 582.720$

Các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ được tính dựa vào tổng quỹ lương của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong đội (xí nghiệp) với tỉ lệ trích tương ứng là 15%, 2%, 2%.

Trên cơ sở bảng chấm công, kế toán lập bảng thanh toán lương cho nhân viên gián tiếp. Do xí nghiệp cùng một lúc thi công nhiều công trình nên lương của bộ phận quản lý đội, xí nghiệp được phân bổ cho các công trình dựa trên chi phí nhân công trực tiếp của mỗi công trình.

2.2. Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ.

Chi phí vật liệu: gồm các khoản vật liệu phục vụ cho quản lý như văn phòng phẩm, phụ tùng ô tô con... Chứng từ ban đầu là các hoá đơn bán hàng...

Chi phí dụng cụ sản xuất: bao gồm áo bảo hộ, cước xẻng, cốp pha, giàn giáo và công cụ dụng cụ thuộc đội xây dựng quản lý và sử dụng...

Nếu công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ như: găng tay, giày, ủng, áo bảo hộ, cước xẻng... thì được phân bổ một lần vào chi phí sản xuất khi xuất dùng. Chứng từ ban đầu là các hoá đơn bán hàng.

Nếu công cụ, dụng cụ có giá trị lớn liên quan đến nhiều kì hạch toán thì Công ty dùng phương pháp phân bổ 50% hoặc phân bổ nhiều kỳ tùy theo thời gian sử dụng của loại công cụ đó.

Từ các chứng từ gốc, kế toán công trường tập hợp vào bảng kê chi phí sản xuất chung.

2.3. Hạch toán chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định: gồm chi phí khấu hao máy tính, và phương tiện đi lại của các đội trưởng xây dựng (các loại xe con)... Hàng tháng trên cơ sở số khấu hao mà kế toán Công ty tính theo phương pháp khấu đều (bảng tính và phân bổ khấu hao) báo xuống cho các đội, xí nghiệp, kế toán xí nghiệp sẽ phân bổ khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý đội cho các công trình đang thi công và ghi vào bảng tổng hợp phân bổ chi phí sản xuất chung.

Số khấu hao TSCĐ phải trích trong năm = Nguyên giá x Tỷ lệ khấu hao

Số khấu hao TSCĐ phải trích hàng tháng = Nguyên giá x Tỷ lệ khấu hao

12

2.4. Hạch toán chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền

Chi phí dịch vụ mua ngoài: bao gồm chi phí về tiền điện, nước, điện thoại, ... Chứng từ ban đầu là các hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng của nhà cung cấp.

Chi phí khác bằng tiền: các chi phí này gồm có chi phí tiếp khách, giao dịch, chi phí làm nhà tạm, chi thanh toán vé tàu xe đi đường của nhân viên, lắp đặt điện thoại... cho ban điều hành công trình, công nhân thi công công trình. Các chứng từ gốc để hạch toán là các hoá đơn, hợp đồng, vé tàu xe..

Chi phí phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì kế toán hạch toán cho công trình đó, còn các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình thì kế toán đội, xí nghiệp tiến hành phân bổ cho các công trình theo chi phí nhân công trực tiếp. Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán đội vào bảng kê chi phí sản xuất chung.

Biểu 16

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 5

BẢNG KÊ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG THÁNG 10/2002

Chứng từ		Nội dung	Tổng số	NVL	Tiếp khách	báo chí	Điện thoại	KH TSCĐ
Số	Ngày								
132	4/10	Chi tiếp khách	2.120.000		2.120.000				
134	20/10	Trả tiền điện thoại	1.450.135				1.450.135		
						
		Tổng cộng	45.784.568

Sau đó, từ bảng kê chi tiết chi phí sản xuất chung, kế toán tiến hành lập bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình.

Biểu 17

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 5

BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG THÁNG 10

TT	Nội dung	Tổng số	Tên công trình	
			Đường Hùng Vương- Lạng Sơn	Đường 239 Lạng Sơn

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ thuật 41 D

1	Chi phí nhân viên QL (cả BHXH, KPCĐ, BHYT)	14.556.478	9.940.287	4.616.191
2	Chi phí NVL	1.320.445	870.210	450.235
3	Chi phí công cụ, dụng cụ	995.660	690.776	304.884
4	Chi phí DV mua ngoài	3.540.633	2.154.850	1.385.793
5	Chi phí khác bằng tiền	25.116.352	15.234.831	8.881.521
6	Khấu hao TSCĐ	1.255.000	850.000	405.000
	Tổng cộng	45.784.568	29.740.954	16.043.614

Ngày 30 tháng 10 năm

2002

Giám đốc xí nghiệp

Người lập

Sau đó, các chứng từ gốc cùng bảng kê, bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung được chuyển về Công ty, kế toán Công ty sau khi kiểm tra tính chính xác, hợp lệ sẽ lập chứng từ ghi sổ.

Biểu 18

CÔNG TY XÂY DỰNG 492

CHỨNG TỪ GHI SỔ

số: 510

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	1/11	CPSXC hai công trình đường Hùng Vương và 239 tháng 10	627	136.5	45.784.568
		Cộng			45.784.568

Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 627. Đồng thời từ các chứng từ gốc và bảng kê, bảng tổng hợp, kế toán vào sổ chi tiết TK 627.

Biểu 19

CÔNG TY XÂY DỰNG 492

SỔ CHI TIẾT TK 627- CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Công trình: Đường Hùng Vương- Lạng Sơn

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kế toán 41 D

Quý IV/ 2002

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
484	07/10	Chi mua xăng	136.5	164.600	
407	12/10	Chi mua công cụ dụng cụ	136.5	690.776	
				
		CPSXC phát sinh tháng 10		29.740.954	
				
	31/12	Kết chuyển CPSXC quý IV	154		98.222.864
		Cộng số phát sinh		98.222.864	98.222.864

Biểu 20 CÔNG TY XÂY DỰNG 492

SỔ CÁI TK 627 –CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

QUÝ IV/2002

NT	CTGS		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1/11	510	1/11	CPSXC đường HVương-Lson tháng 10	136.5	29.740.954	
1/11	510	1/11	Chi phí SXC đường 239- lạng son tháng 10	136.5	16.043.614	
					
		31/12	K/C CPSXC quý IV đường	154		98.222.864

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kế toán 41 D

			Hùng Vương quý IV			
			Cộng số phát sinh		980.369.560	980.369.560

VII. KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

1. Tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang

* Tổng hợp chi phí sản xuất

Do đặc điểm của các công trình xây dựng là có khối lượng giá trị lớn, kết cấu phức tạp, thời gian thi công dài...đồng thời để phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức thực hiện công tác kế toán của công ty là quyết toán theo quý nên việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng được tiến hành theo quý. Toàn bộ chi phí sản xuất (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung) phát sinh trong kì sẽ được kết chuyển sang tài khoản 154- chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Cuối quý, kế toán lập chứng từ ghi sổ cho bút toán kết chuyển.

Biểu 21

CÔNG TY XÂY DỰNG 492

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 620

Ngày 31 tháng 12 năm 2002

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
Số	Ngày		Nợ	Có	
		Kết chuyển CP NVL trực tiếp	154	621	1.445.755.830
		Kết chuyển CP NC trực tiếp	154	622	170.252.900

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ toán 41 D

		Kết chuyển CP máy thi công	154	623	193.001.200
		Kết chuyển CPSX chung	154	627	98.222.864
		Cộng			1.907.232.794

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập

Kế toán trưởng

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Căn cứ vào các sổ chi tiết TK 621, TK 622, TK 623, TK 627 (mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình) kế toán ghi sổ chi tiết TK 154 cho từng công trình, hạng mục công trình.

Biểu 22

CÔNG TY XÂY DỰNG 492

SỔ CHI TIẾT TK 154

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Công trình: Đường Hùng Vương- Lạng Sơn

Quý IV/2002

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
	1/10	Dư đầu kỳ		450.972.533	
	31/12	Kết chuyển chi phí NVLTT	621	1.445.755.830	
	31/12	Kết chuyển chi phí NCTT	622	170.252.900	
	31/12	Kết chuyển chi phí SDMTC	623	193.001.200	
	31/12	Kết chuyển chi phí SXC	627	98.222.864	
	31/12	Bàn giao HMCT hoàn thành	632		2.073.843.333
		Cộng phát sinh		1.907.232.794	2.073.843.333
		Dư cuối kỳ		284.361.994	

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ cái TK 154

Biểu 23

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ toán 41 D

NT	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		928.173.250	
...
31/12	620	31/12	Kết chuyển CPNVLT	621	1.445.755.830	
31/12	620	31/12	Kết chuyển chi phí NCTT	622	170.252.900	
31/12	620	31/12	Kết chuyển CPSDMTC	623	193.001.200	
31/12	620	31/12	Kết chuyển chi phí SXC	627	98.222.864	
31/12	621	31/12	Bàn giao HMCT hoàn thành	632		2.073.843.333
...
			Cộng phát sinh		11.362.458.390	10.801.199.322
			Số dư cuối kỳ		1.489.432.318	

****Kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang***

Tại các doanh nghiệp xây lắp, sản phẩm dở dang cuối kỳ thường có giá trị rất lớn. Bên cạnh đó, do sản phẩm xây lắp có kết cấu và đặc điểm kỹ thuật phức tạp nên để đánh giá chính xác giá trị sản phẩm dở dang là rất khó. Việc kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty xây dựng 492 thường được tiến hành vào cuối mỗi quý. Với công trình thanh toán (nghiem thu) một lần, sản phẩm dở dang được coi là sản phẩm chưa hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư. Tuy nhiên, đối với các công trình có giá trị lớn, thời gian thi công kéo dài thì chủ đầu tư và Công ty thống nhất nghiệm thu theo điểm dừng kỹ thuật của từng hạng mục công trình để thanh toán.

Các công trình xây dựng ở Công ty 492 thường được nghiệm thu theo các bước sau:

Bước 1: Nghiệm thu nội bộ: Phòng Kinh tế- Kỹ thuật, chỉ huy công trường, xí nghiệp xây dựng tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở để thanh toán tiền công cho Xí nghiệp xây dựng và lập báo cáo nghiệm thu bước 2

Bước 2: Nghiệm thu cơ sở do cán bộ giám sát kỹ thuật của Ban quản lý dự án nghiệm thu với Công ty hoặc Công ty tạm chấp nhận khối lượng hoàn thành 80% của bước 1 để lập báo cáo.

Bước 3: Nghiệm thu thanh toán của chủ đầu tư (ban A) theo giai đoạn điểm dừng kỹ thuật. Căn cứ vào bước nghiệm thu này, Công ty lập hồ sơ dự toán thanh toán giá trị xây lắp hoàn thành.

Bước 4: Nghiệm thu cấp bộ chủ quản (Nhà nước) quyết toán công trình đưa vào sử dụng.

Cuối mỗi quý, đại diện phòng kinh tế- kế hoạch cùng với kỹ thuật viên công trình và chủ nhiệm công trình tiến hành kiểm kê, xác định phần khối lượng xây lắp đã thực hiện được trong quý; tổ chức bàn giao, nghiệm thu với bên A để xác định khối lượng xây lắp được bên A nghiệm thu chấp nhận thanh toán. Khối lượng xây lắp dở dang chính là hiệu số giữa khối lượng xây lắp được nghiệm thu ở bước 1 với khối lượng xây lắp hoàn thành được bên A nghiệm thu chấp nhận thanh toán.

Sau đó, Phòng Kinh tế- Kế hoạch sẽ lập đơn giá dự toán phù hợp với từng công việc, từng công trình cụ thể rồi gửi cho Phòng Kế toán- Tài chính. Phòng kế toán- tài chính sau khi nhận được những tài liệu trên sẽ tiến hành xác định phần chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối quý. Công việc xác định chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối quý theo phương pháp trực tiếp được kế toán thực hiện như sau(Biểu 24)

Biểu 24 CÔNG TY XÂY DỰNG 492

**TRÍCH BẢNG XÁC ĐỊNH CHI PHÍ THỰC TẾ KHỐI LƯỢNG XÂY LẮP DỒ
DANG**

Công trình: Đường Hùng Vương- Lạng Sơn- Quý IV/ 2002

STT	Hạng mục	KL do BCH CT b/cáo nghiệm thu nội bộ	KL được bên A chấp nhận thanh toán	KL chưa được bên A chấp nhận	Đơn giá đầu thầu (giá được duyet)	Chi phí sản xuất dở dang
1	2	3	4	5	6	7=5x6
I	Công tác đất					
1	Đào đất (m3)	3.750	3.650	100	56.760	5.676.000
2	Đắp đất (m3)	5.700	5.500	200	76.000	15.200.000
II	Cầu, cống					
1	Bê tông(m3)	2.350	2.300	50	1.120.000	56.000.000
2	Xây đá(m3)	3.250	3.100	150	650.000	97.500.000

	Cộng					284.361.994

Căn cứ vào các biên bản nghiệm thu nội bộ (bước 1) và biên bản nghiệm thu cơ sở (bước 2) phòng Kinh tế – Kế hoạch cung cấp cho phòng kế toán-tài chính các số liệu văn bản được Ban A- quản lý dự án xác nhận. Phòng Kế toán- tài chính xác định dự toán khối lượng hoàn thành bàn giao và chi phí khối lượng dở dang cuối kỳ như sau:

Biểu 25 CÔNG TY XÂY DỰNG 492

**TRÍCH BẢN BÁO CÁO GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG- THU VỐN- KHỐI LƯỢNG DỞ
DANG**

Quý IV/2002

STT	Công trình	Dự toán chi phí KLXL hoàn thành bàn giao	Chi phí dở dang cuối kỳ
1	Đường Hùng Vương-Lạng Sơn	2.097.428.760	284.361.994
2	Nhà A2-3 Dự án 678	1.687.980.540	350.452.126
3	Đường 239- Lạng Sơn	450.860.243	65.701.253

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ toán 41 D

	Tổng cộng	xxxx	xxxx
--	-----------	------	------

2. Tính giá thành sản phẩm xây lắp

Do sản phẩm xây lắp có giá trị lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sản xuất kéo dài nên Công ty lựa chọn đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình và tiến hành tính giá thành theo quý. Cuối quý, khi việc tập hợp chi phí được hoàn tất, kế toán tính giá thành sản phẩm theo phương pháp trực tiếp theo công thức sau:

$$Z = D_{dk} + PS_{tk} - D_{ck}$$

Trong đó : Z: Giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành

D_{dk} : Chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ

PS_{tk} : Chi phí phát sinh trong kỳ

D_{ck} : Chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ

Đối với công trình đường Hùng Vương- Lạng Sơn, ta có:

Chi phí dở dang đầu kỳ: 450.972.533 đ

Chi phí phát sinh trong kỳ: 1.907.232.794 đ

Chi phí dở dang cuối kỳ: 284.361.994 đ

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp ngày 31/12/2002 và phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư, Công ty xác định chi phí thực tế khối lượng xây lắp đã được nghiệm thu là:

$$Z = 450.972.533 + 1.907.232.794 - 284.361.994 = \mathbf{2.073.843.333 \text{ đ}}$$

Biểu 26 CÔNG TY XÂY DỰNG 492

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

Công trình: Đường Hùng Vương- Lạng Sơn

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền
1. Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	450.972.533
2. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	1.907.232.794
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.445.755.830
- Chi phí nhân công trực tiếp	170.252.900

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ thuật 41 D

- Chi phí sử dụng máy thi công	193.001.200
- Chi phí sản xuất chung	98.222.864
3. Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	284.361.994
4. Giá thành sản phẩm hoàn thành (1+2-3)	2.073.843.333

Sau đó, kế toán lập chứng từ ghi sổ

Biểu 27 CÔNG TY XÂY DỰNG 492

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 621

Ngày 31 tháng 12 năm 2002

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	31/12	Bàn giao HMCT hoàn thành	632	154	2.073.843.333
		Cộng			2.073.843.333

Để xác định giá thành toàn bộ, Công ty phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng công trình, hạng mục công trình theo tổng doanh thu các công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao trong kỳ. Bởi các công trình có quy mô, đặc điểm khác nhau như nhà, đường, kè,... nên tỉ trọng các khoản mục chi phí trong giá thành công trình khác nhau do đó nếu sử dụng tiêu thức phân bổ là nguyên vật liệu trực tiếp hay nhân công trực tiếp là không hợp lý vì vậy Công ty chọn tiêu thức phân bổ là tổng doanh thu các công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao trong kỳ.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY XÂY DỰNG 492

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kế toán 41 D

I. NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY XÂY DỰNG 492.

Công ty xây dựng 492 là đơn vị trực thuộc Tổng công ty xây dựng Trường Sơn. Trong những năm qua, đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường, Công ty đã không ngừng phấn đấu, tìm tòi, sáng tạo, tiếp cận thị trường, mở rộng quy mô kinh doanh, thu hút khách hàng. Nhờ vậy, Công ty đã tìm được việc làm đều đặn, sản xuất đi vào ổn định, hàng năm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được nâng cao. Bên cạnh đó, Công ty còn có những chính sách lương bổng, đãi ngộ thỏa đáng, quan tâm đến lợi ích của người lao động vì thế đã khích lệ được tinh thần lao động hăng say, nhiệt tình, sáng tạo và có trách nhiệm cao ở họ.

Bên cạnh công việc hàng năm Tổng công ty giao, Công ty đã mạnh dạn tìm kiếm thị trường, ký kết được nhiều hợp đồng mới. Toàn thể lãnh đạo, công nhân viên trong Công ty không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ đồng thời mạnh dạn tiếp cận địa bàn và chủ đầu tư liên doanh liên kết, chú trọng nâng cao chất lượng làm hồ sơ dự thầu nên đã trúng nhiều gói thầu có giá trị tương đối lớn. Với sự phấn đấu không ngừng, Công ty đã tạo dựng được uy tín lớn trong ngành xây dựng, khẳng định được chỗ đứng của mình trên thương trường.

Có được kết quả trên một phần là nhờ Công ty đã xây dựng được bộ máy quản lý gọn nhẹ, hiệu quả, có thể tiếp cận với tình hình sản xuất thực tế tại các công trường nên có thể kiểm soát chi phí một cách chặt chẽ. Đồng thời việc áp dụng cơ chế khoán gọn xuống từng xí nghiệp xây dựng đã tiết kiệm được chi phí quản lý, tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ thi công góp phần hạ giá thành công trình. Bên cạnh đó không thể không kể đến sự đóng góp quan trọng của phòng tài chính kế toán, nhất là trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình.

Việc áp dụng hệ thống kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 1141/ TC/QĐ/CĐKT ngày 01/01/1995 của Bộ trưởng Bộ tài chính) và chế độ kế

toán doanh nghiệp xây lắp (theo quyết định số 1864/1998/QĐ/BTC ngày 16/12/1998) đã góp phần củng cố và hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Qua thời gian nghiên cứu và tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại Công ty xây dựng 492, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành nói riêng tại Công ty có những **ưu điểm** nổi bật như:

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, chặt chẽ, quy trình làm việc khoa học với đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ, có chuyên môn tốt, ý thức trách nhiệm cao và nhiệt tình trong công việc, luôn phát huy hết khả năng của mình đồng thời không ngừng học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau về chuyên môn nghiệp vụ. Trong bộ máy kế toán, mỗi nhân viên đều được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tạo nên mối liên hệ lệ thuộc, chế ước lẫn nhau. Do có sự phân công lao động kế toán nên đã tạo điều kiện đi sâu vào từng phần hành đồng thời không có sự chồng chéo công việc giữa các nhân viên kế toán. Điều này giúp cho bộ máy kế toán hoạt động bắt nhịp phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

Công ty có hệ thống chứng từ ban đầu hợp pháp, hợp lệ, đầy đủ theo đúng chế độ quy định của Bộ tài chính. Bên cạnh đó, Công ty còn có một sổ chứng từ và sổ sách đặc thù phục vụ cho công tác hạch toán tại Công ty. Trên cơ sở quy định tất cả các khoản chi đều phải có chứng từ để xác minh nên các nghiệp vụ ghi trên sổ sách kế toán của Công ty đã phản ánh đúng các khoản chi phí thực tế phát sinh tại công trường.

Việc áp dụng hình thức sổ kế toán “chứng từ ghi sổ” là thuận tiện và phù hợp với khả năng, trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm được Công ty xác định là từng công trình, hạng mục công trình phù hợp với đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ và đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của

Công ty. Trên cơ sở đó, Công ty xác định phương pháp tập hợp chi phí là từng công trình, hạng mục công trình là phù hợp với đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm. Ngoài ra, với phương pháp tính giá thành mà Công ty áp dụng là phương pháp trực tiếp có ưu điểm tương đối đơn giản, chính xác, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời.

Hạch toán chi phí nguyên vật liệu: Việc lập kế hoạch mua vật tư hàng tháng ở các xí nghiệp (đội xây dựng) trên cơ sở tiến độ thi công công trình và mức dự toán, tiến hành mở kho đối với những nguyên vật liệu chính, quan trọng đã bắt kịp được tiến độ thi công công trình, sự biến động của giá cả vật tư trên thị trường. Bên cạnh đó, tại các xí nghiệp trực thuộc, việc theo dõi nhập xuất vật tư được kiểm soát chặt chẽ và ghi chép đầy đủ thông qua các chứng từ như phiếu nhập kho, xuất kho, bảng tổng hợp vật tư nhập, bảng tổng hợp vật tư xuất, giúp kế toán Công ty ghi sổ nhanh chóng, dễ dàng.

Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp: Tại công trường, kế toán xí nghiệp đã theo dõi chi phí nhân công chặt chẽ, chính xác thông qua các chứng từ như bảng chấm công, hợp đồng làm khoán... Việc áp dụng hình thức tiền lương theo thời gian đối với bộ phận lao động gián tiếp, theo sản phẩm đối với bộ phận lao động trực tiếp đã quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động. Hình thức trả lương theo sản phẩm đã khuyến khích người lao động luôn phấn đấu hoàn thành khối lượng công việc được giao. Đối với bộ phận lao động gián tiếp, việc trả lương theo thời gian kết hợp với thưởng năng suất đã nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với công việc quản lý và chỉ đạo sản xuất.

Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công: Qua bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công đã đánh giá được chính xác giá trị phục vụ của máy thi công cũng như chi phí sử dụng máy tạo điều kiện thuận lợi trong hạch toán giá thành.

Hạch toán chi phí sản xuất chung: kế toán đã phản ánh tương đối chính xác, đầy đủ, chi tiết khoản mục chi phí sản xuất chung.

Nhìn chung hoạt động của phòng tài chính kế toán đã đảm bảo được việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cung cấp thông tin kịp thời cho ban lãnh đạo Công ty. Tuy nhiên cũng không tránh khỏi những thiếu sót, những bất cập trong công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Cụ thể việc luân chuyển chứng từ chậm chễ, hệ thống sổ sách kế toán còn chưa đầy đủ, phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang chưa đúng chế độ, việc áp dụng kế toán quản trị còn nhiều bất cập, việc quản lý vốn còn chưa hiệu quả,....

II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY XÂY DỰNG 492

1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

Hạch toán kế toán là nhu cầu khách quan của xã hội và là một công cụ quan trọng phục vụ cho quản lý kinh tế tài chính, đồng thời cũng là một công cụ đặc lực của Nhà nước trong việc chỉ đạo nền kinh tế quốc dân.

Để tồn tại và phát triển lâu dài, doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu tự khẳng định mình. Với nguồn lực có hạn, muốn nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn con đường nào khác là doanh nghiệp phải tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao nhất. Để thực hiện được điều này, doanh nghiệp phải làm tốt nhiều mặt từ khâu cung cấp đầu vào, tổ chức sản xuất cho tới tiêu thụ, đặc biệt là phải đề ra được biện pháp tiết kiệm và nâng cao hiệu quả của chi phí, khai thác tối đa mọi tiềm năng sẵn có về nguyên vật liệu, lao động...Do đó, hạch toán kế toán với chức năng cơ bản là cung cấp thông tin cho nhà quản lý ra quyết định kinh doanh, đã khẳng định vai trò không thể thiếu đối với quản trị doanh nghiệp đặc biệt là vai trò của công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành đầy đủ, kịp thời, chính xác không chỉ giúp cho việc phản ánh đúng đắn tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh mà

còn cung cấp kịp thời thông tin cho nhà quản lý. Vì thế, hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công việc rất cần thiết góp phần tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, hoàn thiện công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm giúp cho doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và yêu cầu quản lý của Nhà nước đồng thời thực hiện nguyên tắc tiết kiệm, khoa học trong công tác kế toán và nhờ đó cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng. Như vậy, hoàn thiện hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm là một trong những yêu cầu có tính chiến lược đối với sự phát triển và lớn mạnh của mọi doanh nghiệp.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc hoàn thiện hạch toán chi phí và tính giá thành, trên cơ sở lý luận đã được học ở trường cùng với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo PGS.TS Phạm Thị Gái, em xin được đưa ra một số kiến nghị với mong muốn góp phần củng cố, hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty xây dựng 492 sao cho hợp lý và đúng chế độ tài chính, nâng cao hiệu quả chi phí cũng như tập hợp và phân bổ các chi phí một cách hợp lý để xác định đúng, chính xác chỉ tiêu giá thành.

2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

2.1. Kiến nghị về việc luân chuyển chứng từ

Hiện nay, mặc dù Công ty đã có quy định rõ về định kì luân chuyển chứng từ lên phòng kế toán Công ty nhưng vẫn xảy ra tình trạng chứng từ được chuyển lên rất chậm. Điều này gây cản trở cho công tác hạch toán, dồn công việc vào cuối kỳ, dẫn đến những sai sót không đáng có trong công tác hạch toán chi phí như ghi thiếu, ghi nhầm. Bên cạnh đó, các chứng từ không hợp lệ, cũng như những chứng từ chi sai mục đích vẫn được thanh toán làm cho khâu kiểm tra, hạch toán chi phí sản xuất

phát sinh trong kỳ càng khó khăn. Vì vậy, việc so sánh giữa chi phí thực tế và chi phí dự toán là không chính xác, ảnh hưởng đến các quyết định kinh doanh của nhà quản lý.

Việc luân chuyển chứng từ chậm trễ không chỉ do nguyên nhân khách quan là các công trình thi công thường ở xa trụ sở Công ty mà còn do cả nguyên nhân chủ quan từ phía các đội, xí nghiệp thi công: họ không thực hiện đúng trách nhiệm luân chuyển chứng từ của mình.

Về điểm này, em xin kiến nghị Công ty nên có biện pháp đôn đốc việc luân chuyển chứng từ từ phía kế toán xí nghiệp, yêu cầu phải hoàn trả chứng từ đúng thời gian quy định, nhắc nhở hoặc có hình thức kỉ luật đối với những người vi phạm nhiều lần...

2.2. Kiến nghị về hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công sản xuất là một bộ phận chi phí quan trọng cấu thành nên giá thành công trình, hạng mục công trình. Tại Công ty xây dựng 492 đang áp dụng hai hình thức trả lương hoàn toàn phù hợp với quy mô và tính chất ngành nghề kinh doanh. Việc áp dụng hình thức tiền lương theo thời gian đối với bộ phận lao động gián tiếp, theo sản phẩm đối với bộ phận lao động trực tiếp đã quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động. Hình thức trả lương theo sản phẩm đã khuyến khích người lao động luôn phấn đấu hoàn thành khối lượng công việc được giao. Đối với bộ phận lao động gián tiếp, việc trả lương theo thời gian kết hợp với thưởng năng suất đã nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với công việc quản lý và chỉ đạo sản xuất.

Tuy nhiên, theo em Công ty có thể cải thiện hoàn thành tốt công việc lập định mức lao động phải chi tiết cho từng giai đoạn công việc, chứ không lập chung cho cả công trình vì như thế sẽ không chính xác, dễ lãng phí. Tuy công việc này đòi hỏi phải chi tiết, cụ thể nhưng nó sẽ mang lại kết quả chính xác, tiết kiệm được nhiều hơn.

2.3. Kiến nghị về hạch toán chi phí sử dụng máy thi công

Hiện nay tại Công ty tiến hành theo dõi chấm công cho các tổ máy thi công cũng giống như các tổ đội sản xuất khác là chưa hợp lý vì trong sản xuất không phải lúc nào máy thi công cũng hoạt động. Ngoài ra cùng một máy thi công trong một kỳ có thể tham gia sản xuất tại nhiều công trình khác nhau. Lượng nhiên liệu tiêu hao đối với máy thi công là lớn.

Theo em Công ty nên lập nhật trình sử dụng xe máy thi công để phục vụ cho công tác theo dõi tình hình sử dụng xe máy trong tổ, xí nghiệp theo mẫu sau:

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 5
NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Nhật trình sử dụng xe máy thi công

Từ ngày đến ngày tháng năm

Tên xe máy:

Họ tên ca trưởng:

NT	Ca (Từ giờ phút đến giờ phút)	Nội dung công việc	Khối lượng		Kỹ thuật thi công xác nhận
			Bsáng	Bchiều	

Ngoài ra, sửa chữa lớn máy thi công là một nhu cầu không thể thiếu để duy trì năng lực làm việc của xe, máy thi công nhưng công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn máy thi công. Như vậy, khi xảy ra tình trạng máy thi công hỏng hóc phải sửa chữa lớn sẽ gây ra sự biến động về chi phí sản xuất trong kỳ. Vì vậy, để khắc phục tình trạng mất cân đối về chi phí sử dụng máy thi công giữa các kỳ, Công ty nên tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn máy thi công dự tính sẽ phát sinh.

Nợ TK 136- Chi tiết cho xí nghiệp xây dựng

Có TK 335 – Trích trước chi phí sửa chữa lớn.

Sinh viên: Phạm Thế Bých Ngãc
Lớp kỹ thuật, n 41 D

Đồng thời ghi :

Nợ TK 623- chi phí sử dụng máy thi công

Có TK 136- Chi tiết cho xí nghiệp xây dựng

2.5. Kiến nghị về phương pháp kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang

Công ty xây dựng 492 tính giá khối lượng xây lắp dở dang bằng cách lấy khối lượng xây lắp dở dang thực tế nhân với đơn giá dự toán. Như vậy, Công ty đã coi giá trị dự toán khối lượng xây lắp dở dang như là chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ. Với phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang mà Công ty đang áp dụng như trên là chưa thật chính xác.

Khi đó, giá thành sản phẩm sẽ không phù hợp với chi phí thực tế đã bỏ ra dẫn đến việc phản ánh sai lệch tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp cũng như việc xác định kết quả kinh doanh; bên cạnh đó làm ảnh hưởng đến tính chính xác của thông tin cung cấp cho nhà quản trị ra quyết định. Chính vì vậy, để đảm bảo việc tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm theo em Công ty nên thay đổi phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá trị dự toán như sau:

	Chi phí thực tế của		Chi phí thực tế của	
Chi phí thực	khối lượng xây lắp	+	khối lượng xây lắp	Giá trị dự
tế khối lượng	dở dang đầu kỳ		thực hiện trong kỳ	toán của
xây lắp dở				toán của
dang cuối kỳ				khối lượng
				xây lắp
	Giá trị dự toán của		Giá trị dự toán của	dở dang
	khối lượng xây lắp	+	khối lượng xây lắp	cuối kỳ
	hoàn thành trong kỳ		dở dang cuối kỳ	

$$\text{Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ}}{\text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang hoàn thành trong kỳ} + \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}} \times \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}$$

Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ của công trình đường Hùng Vương – Lạng Sơn tính theo công thức như trên sẽ là:

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ thuật 41 D

$$\frac{450.972.533 + 1.907.232.794}{2.097.428.760 + 284.361.994} \times 284.361.994 = 281.546.130 \text{ đ}$$

Khi đó, giá thành thực tế hạng mục công trình đường Hùng Vương- Lạng Sơn hoàn thành bàn giao sau khi tính lại chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ sẽ là:

$$Z = 450.972.533 + 1.907.232.794 - 281.546.130 = 2.076.659 \text{ đ}$$

2.6. Kiến nghị về vấn đề quản lý vốn cho sản xuất

** Về thu hồi vốn các công trình đã hoàn thành bàn giao được bên A chấp nhận thanh toán.*

Trong xây dựng cơ bản nhu cầu vốn sử dụng cho sản xuất là rất lớn, thu hồi vốn chậm. Các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng được bên A chấp nhận thanh toán, công trình đã hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, lợi nhuận đã phân phối, nhưng tiền còn nợ đọng trên TK 131 “phải thu của khách hàng” có công trình đã trên một năm (như công trình Sở y tế Tràng Định hoàn thành bàn giao tháng 5/2001). Nhiều lần trong năm 2002 Công ty đã cử người đến bên A yêu cầu thanh toán nhưng vẫn chưa thanh toán được. Để tránh tình trạng ứ đọng vốn quá nhiều do khách hàng nợ (được mở chi tiết trên tài khoản 131) trước khi đấu thầu, giao nhận thầu, ký kết hợp đồng kinh tế Công ty phải xem xét kỹ khả năng tài chính cũng như các khả năng thanh toán của chủ đầu tư. Đưa các yếu tố chuyển vốn thanh toán giữa chủ đầu tư với Công ty tương ứng với khối lượng chất lượng tiến độ hoàn thành của công trình để chủ đầu tư (bên A) chủ động bố trí thanh toán vốn khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

** Về việc đảm bảo vốn cho các xí nghiệp phụ thuộc (các đội thi công)*

Kế toán Công ty căn cứ vào kế hoạch thi công của các đội, Xí nghiệp và các yếu tố có liên quan sẽ tiến hành cấp vốn (ứng vốn) cho các đội, Xí nghiệp. Hàng quý vào tháng cuối quý mới thanh toán hoặc đến khi công trình hoàn thành nghiệm thu nội bộ mới tổ chức thanh quyết toán.

Xét trên góc độ quản lý vốn có thể nhu cầu thực tế tại thời điểm chưa cần đến một lượng vốn như kế hoạch hoặc như đề nghị của đội, Xí nghiệp nhưng Xí nghiệp vẫn tạm ứng tạo nên thiếu vốn ở Xí nghiệp này nhưng ở xí nghiệp khác vốn lại chưa sử dụng hết.

Về vấn đề này em xin kiến nghị Công ty nên có chính sách khuyến khích các đội, xí nghiệp tự huy động vốn từ các nguồn khác đồng thời phân phối hợp lý vốn cho các công trình, hạng mục công trình. Hàng tháng các kế toán đội phải về phòng Kế toán tài chính của Công ty để thanh toán tiền tạm ứng, thanh toán tiền tạm ứng kỳ trước xong mới tạm ứng tiền cho kỳ sau như vậy sẽ thuận lợi cho phòng Kế toán theo dõi được quá trình sử dụng vốn và tránh dồn việc vào cuối quý.

2.7. Kiến nghị về kế toán máy vi tính

Cùng với sự phát triển của nền sản xuất xã hội, yêu cầu công tác quản lý về khối lượng cũng như chất lượng thông tin ngày càng cao. Một mặt, do yêu cầu cạnh tranh đòi hỏi phải xử lý thông tin nhanh chóng, chính xác. Mặt khác, thông tin phải phục vụ cho nhiều mục đích, nhiều khía cạnh khác nhau. Tất cả điều này khẳng định sự cần thiết phải sử dụng rộng rãi các kỹ thuật tính toán hiện đại vào việc xử lý thông tin kế toán nói chung và thông tin về chi phí, giá thành nói riêng.

Kế toán máy có ưu điểm hơn kế toán thủ công là lưu trữ và truy nhập dữ liệu nhanh, chính xác, giảm nhẹ khối lượng công tác kế toán, tiết kiệm chi phí, cung cấp thông tin kịp thời giúp cho việc ra quyết định quản trị được nhanh chóng. Tuy nhiên nó cũng đòi hỏi một số điều kiện như mã hoá thông tin đầu vào, phải xử lý các quan hệ thông tin liên quan đến nhiều phần hành một cách đồng bộ và đòi hỏi về trình độ của nhân viên kế toán.

Hiện nay, phòng kế toán Công ty đã được trang bị máy tính tuy nhiên kế toán vẫn chưa khai thác triệt để công dụng của máy tính trong công tác kế toán nói chung và công tác hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm nói riêng. Công tác kế toán chủ yếu được thực hiện thủ công nên hiệu suất làm việc chưa cao, dễ dẫn

đến tình trạng dồn việc vào cuối tháng. Vì vậy, để phát huy thế mạnh vốn có của máy vi tính cũng như giảm nhẹ khối lượng công tác kế toán, nâng cao hiệu quả lao động, Công ty nên có một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm tổ chức hạch toán kế toán ở Công ty và đặc điểm sản xuất kinh doanh.

Với thực tế hiện nay của Công ty, để làm được điều đó thì Công ty cần phải có các điều kiện sau: phải có nguồn vốn để sử dụng cho việc mua phần mềm kế toán hoặc thuê viết chương trình kế toán riêng cho Công ty; cần phải đào tạo bộ máy kế toán, nâng cao trình độ tiếp cận tin học và sử dụng thành thạo chương trình kế toán trên máy cho các cán bộ kế toán. Đồng thời Công ty cần phải biết tận dụng ưu điểm của việc dùng kế toán máy là sử dụng ít nhân lực để tinh giản bộ máy kế toán, chỉ cần giữ lại những nhân viên thực sự có năng lực, trình độ.

2.8. Kiến nghị về kế toán quản trị

Kế toán quản trị là khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động của doanh nghiệp phục vụ yêu cầu quản trị nội bộ doanh nghiệp. Những thông tin mà kế toán quản trị cung cấp có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nó không chỉ là thông tin quá khứ, thông tin hiện tại mà còn bao gồm các thông tin về tương lai. Vì vậy, kế toán quản trị là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của hệ thống kế toán và được thể hiện ở tất cả các khâu, từ lập kế hoạch dự toán đến thực hiện, kiểm tra giúp các nhà quản trị ra quyết định quản lý đúng đắn, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả của chi phí. Ở các nước Anh, Pháp, Mỹ... kế toán quản trị đã được hình thành và phát triển trong vài chục năm nay và nó rất được các doanh nghiệp chú trọng. Tuy nhiên, ở các doanh nghiệp Việt Nam trong đó có Công ty xây dựng 492, kế toán quản trị còn mới mẻ, nhận thức và tổ chức trong các doanh nghiệp còn nhiều bất cập.

Bởi không nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của kế toán quản trị nên công tác quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp còn khá hời hợt. Công tác quản lý hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chủ yếu do kế toán tài chính đảm nhận, chưa phản ánh được rõ ràng mối quan hệ chi

phí- khối lượng- lợi nhuận, cũng như chưa phân tích cụ thể, chi tiết chi phí theo biến phí, định phí cũng như khoản mục và yếu tố chi phí. Do đó, sự đóng góp của công tác kế toán vào các mục tiêu quản lý chung của Công ty chưa hoàn toàn tương xứng với nhiệm vụ và trình độ của bộ máy kế toán.

Xuất phát từ vai trò và tầm quan trọng của kế toán quản trị, các doanh nghiệp cần thiết phải tổ chức hệ thống kế toán quản trị. Tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất phải tùy thuộc vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, trình độ và yêu cầu quản lý chi phí của doanh nghiệp. Xây dựng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp xây lắp theo hướng:

Kế toán quản trị cần quan tâm tới phân loại chi phí thành biến phí và định phí nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập kế hoạch, kiểm tra và chủ động điều tiết chi phí cho phù hợp. Bằng cách phân loại này, nhà quản trị sẽ thấy được sự biến động của chi phí có phù hợp hay không với sự biến động của mức độ hoạt động và từ đó có các biện pháp hữu hiệu nhằm quản lý tốt các chi phí. Kế toán có thể thực hiện phân loại theo một trong hai phương pháp: phương pháp bình phương bé nhất, phương pháp cực đại- cực tiểu. Xét trong khoảng thời gian ngắn hạn khi doanh nghiệp không có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động thì định phí là một đại lượng tương đối ổn định, do đó muốn tối đa hoá lợi nhuận cần phải tối đa hoá lãi trên biến phí (số dư đảm phí). Đây là cơ sở rất quan trọng cho việc xem xét ra các quyết định có liên quan tới chi phí- khối lượng- lợi nhuận và giá cả. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ đó, kế toán quản trị có thể tư vấn cho nhà quản trị trong việc định giá giao khoán, đồng thời phương pháp tính giá dự thầu dựa trên cơ sở lãi trên biến phí sẽ cung cấp cho doanh nghiệp một phạm vi giá linh hoạt để có thể quyết định thắng thầu.

Xây dựng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp xây lắp để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất, giúp các nhà quản trị có quyết định đúng đắn, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả của chi phí. Thu thập

thông tin cần thiết phục vụ cho dự đoán, dự báo; lập dự toán chi phí giá thành đồng thời so sánh dự toán với thực tế để xem xét sự biến động của các khoản mục thực tế có hợp lý không, từ đó đưa ra giải pháp phù hợp.

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ

(Hạng mục công trình...)

Khoản mục chi phí	Dự toán		Thực tế		Chênh lệch
	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ(%)	
Chi phí NVLTT					
Chi phí NCTT					
CPSDMTC					
CPSXC					
Tổng cộng					

III. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ BIỆN PHÁP HẠ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM NHẪM NÂNG CAO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH.

1 .ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Hiệu quả sản xuất kinh doanh phản ánh trình độ sử dụng các nguồn nhân lực, vật lực của doanh nghiệp để đạt được kết quả cao nhất trong quá trình hoạt động kinh doanh với tổng chi phí thấp nhất. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh là cần thiết giúp nhà quản lý thấy được thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình từ đó tìm ra nguyên nhân và giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh doanh, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Để đánh giá chính xác, khoa học hiệu

quả kinh doanh của doanh nghiệp chúng ta cần sử dụng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá phù hợp. Dưới đây là một số chỉ tiêu quan trọng.

$$\text{Chi phí cho 1000đ doanh thu} = \frac{\text{Tổng chi phí}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 1000$$

Chỉ tiêu này cho biết để có 1000 đồng doanh thu thì công ty cần phải bỏ ra bao nhiêu đồng chi phí hay phản ánh lượng chi phí để đạt được 1000 đ doanh thu. Chỉ tiêu này càng nhỏ tức là chi phí bỏ ra cho 1000 đồng doanh thu càng thấp, đó chính là dấu hiệu tốt đối với doanh nghiệp trong việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Trường hợp ngược lại doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn, nhất là khi muốn tăng lợi nhuận.

$$\text{Lợi nhuận trên 1000 đ chi phí} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận}}{\text{Tổng chi phí}} \times 1000$$

Chỉ tiêu này phản ánh mức lãi thu được khi bỏ ra 1000đ chi phí, biểu thị hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

$$\text{Tỉ suất lợi nhuận doanh thu} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100$$

Chỉ tiêu này càng lớn thì chứng tỏ hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp càng cao.

Cách chỉ tiêu trên tại Công ty xây dựng 492 trong hai năm qua được thể hiện như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2002 so với 2001	
				Tuyệt đối	Tương đối

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ toán 41 D

1	Tổng doanh thu	38.876.184.471	52.803.337.786	+13.927.153.315	135%
2	Tổng chi phí	37.549.099.637	50.419.061.594	+12.869.961.957	134%
3	Tổng lợi nhuận	1.327.084.834	2.384.276.192	+1.057.191.358	179%
4	Chi phí /1000đ DT	965	954	-11	98%
5	Lãi trên 1000đ chi phí	35	47	+12	134%
6	Tỉ suất LN-DT	3,41	4,51	+1,1	

Qua bảng trên ta thấy so với năm 2001, doanh thu, chi phí, lợi nhuận doanh nghiệp đều tăng trong đó lợi nhuận tăng 1.057.191.358 đ hay đạt 179% thể hiện doanh nghiệp làm ăn có lãi hơn, tìm kiếm được nhiều việc làm hơn, đưa sản xuất đi vào ổn định.

Tuy nhiên việc so sánh trực tiếp, giản đơn như trên chưa thể đánh giá chính xác, cụ thể hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp do vậy cần đi sâu phân tích các chỉ tiêu chi phí/ 1000 đ doanh thu, lãi trên 1000 đ chi phí và tỉ suất lợi nhuận- doanh thu.

Xét chi phí cho 1000 đ doanh thu năm 2002 đạt 98 % giảm 2% so với năm 2001. Đây là một kết quả đáng khích lệ nó chứng tỏ Công ty đã sử dụng và phân bổ chi phí cho thi công công trình là hợp lý, hạn chế được mức tăng chi phí cho từng xí nghiệp xây lắp. Trong năm 2001, để tạo ra 1000 đ doanh thu Công ty cần bỏ ra 965 đ chi phí nhưng năm 2002 thì chỉ cần bỏ ra 954 đ nghĩa là Công ty đã tiết kiệm được 11 đ chi phí tính cho 1000 đ doanh thu. Như vậy, so với năm 2001 hiệu quả kinh doanh của Công ty đã tăng lên đáng kể.

Chỉ tiêu lãi trên 1000 đ chi phí năm 2002 tăng 12 đ so với năm 2001 hay đạt 134%. Tức là trong năm 2001 cứ 1000 đ chi phí bỏ ra thì Công ty thu được 35 đ lãi, sang năm 2002 con số này đã tăng lên là 47 đ. Với kết quả tăng lên như trên chúng ta có thể khẳng định Công ty đã hoạt động tốt hơn , tuy nhiên cần duy trì và phát huy hơn nữa năng lực của mình. Với việc tăng lợi nhuận lên là 4,51 đ cho 100 đ doanh thu trong năm 2002, tăng 1,1 đ so với năm 2001 cho thấy hiệu quả của quá

trình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua tương đối khả quan, tuy con số tăng lên còn thấp nhưng đây là một kết quả đáng mừng, kết quả này cần có biện pháp để duy trì, nâng cao và quản lý tốt hơn nữa.

2 .MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIẢM CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ HẠ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Như chúng ta đã biết, cơ chế thị trường cùng với các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đã tạo cho các doanh nghiệp nhiều cơ hội mới nhưng cũng không ít những khó khăn, thử thách phải vượt qua. Trước sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải mang lại hiệu quả kinh tế xã hội, điều đó có nghĩa là thu nhập phải bù đắp chi phí và có doanh lợi, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. Để làm được điều này thì doanh nghiệp phải luôn quan tâm tới các biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Đặc biệt là các doanh nghiệp xây lắp, khi mà yếu tố quyết định đến khả năng trúng thầu là giá dự thầu hợp lý nhất thì việc giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm càng có ý nghĩa quan trọng. Để hạ thấp giá thành sản phẩm đòi hỏi công tác quản lý và kế toán chi phí sản xuất cũng như tính giá thành sản phẩm phải thật chặt chẽ, chính xác, quá trình sản xuất phải tiết kiệm vật tư và việc sử dụng lao động, máy móc thi công phải có hiệu quả. Qua thời gian thực tập, được tiếp cận với thực tế công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành của Công ty, em thấy rằng để hạ giá thành sản phẩm, Công ty cần thực hiện đồng bộ các biện pháp sau:

Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu

Tại Công ty xây dựng 492, chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành công trình. Bởi vậy, tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu là giảm được một khoản chi phí đáng kể. Muốn vậy, Công ty phải yêu cầu các xí nghiệp trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh quy định về định mức tiêu hao vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, để đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu

ổn định với chất lượng tốt, Công ty nên cử những cán bộ năng động nhiệt tình trong trong công việc để tìm kiếm những nhà cung cấp lâu dài, cung cấp vật liệu đảm bảo chất lượng với giá rẻ hơn giá thị trường.

Ngoài ra, do địa bàn hoạt động của Công ty rộng nên Công ty cần tìm kiếm, mở rộng quan hệ với nhiều nhà cung cấp để khi cần có thể mua nguyên vật liệu ở nơi gần địa điểm thi công nhất, vận chuyển ngay đến chân công trình mà vẫn đảm bảo số lượng, chất lượng vật liệu và chất lượng công trình. Nhờ đó sẽ tránh được tồn kho nguyên vật liệu quá nhiều hoặc ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình đồng thời tiết kiệm được chi phí vận chuyển. Tuy nhiên, trong trường hợp nơi thi công xa, điều kiện vận chuyển khó khăn, Công ty có thể xem xét việc sử dụng vật liệu thay thế do địa phương sản xuất với điều kiện không ảnh hưởng tới chất lượng công trình thi công.

Đặc biệt là phải quản lý và bảo quản tốt vật tư nhằm không để xảy ra hao hụt, mất mát hoặc xuống cấp đồng thời sử dụng vật tư tiết kiệm, tránh lãng phí; có chế độ khen thưởng cũng như xử phạt thích đáng đối với những cá nhân, tập thể sử dụng tiết kiệm hay lãng phí vật tư.

Tăng năng suất lao động

Tăng năng suất lao động là giảm mức hao phí lao động cần thiết cho một đơn vị sản phẩm hoàn thành. Để thực hiện được điều này, Công ty cần nghiên cứu, tổ chức quá trình thi công một cách khoa học, sắp xếp công việc hợp lý, không để sản xuất bị ngắt quãng cũng như không được tăng cường độ lao động quá mức gây mệt mỏi cho công nhân viên làm ảnh hưởng tới chất lượng công trình; bố trí lao động hợp lý và quản lý lao động chặt chẽ đồng thời phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện lao động cần thiết như bảo hộ lao động, cung cấp nguyên vật liệu kịp thời...

Ngoài ra, Công ty nên nghiên cứu ứng dụng công nghệ kỹ thuật mới vào sản xuất, xem xét sử dụng máy thi công thay thế cho lao động thủ công nhằm nâng cao năng suất lao động; tuyển dụng và đào tạo kỹ sư, công nhân lành nghề. Bên cạnh đó,

chính sách đãi ngộ đối với công nhân viên cũng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động. Việc tính đúng, đủ chi phí nhân công kết hợp với việc không ngừng nâng cao điều kiện sống của người lao động sẽ làm cho người lao động gắn bó hơn với Công ty cũng như có trách nhiệm hơn trong công việc và như vậy hiệu quả sản xuất sẽ được nâng cao.

Nâng cao hiệu quả sử dụng máy thi công

Có thể tiết kiệm chi phí sử dụng máy thi công bằng cách nâng cao công suất sử dụng máy, tiết kiệm nguyên vật liệu sử dụng cho chạy máy... Bên cạnh đó, Công ty nên sử dụng một cách tối ưu máy móc, thiết bị đảm bảo theo công suất thiết kế, có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa hợp lý, thường xuyên nhằm kéo dài tuổi thọ máy móc, thiết bị. Đây là biện pháp tiết kiệm chi phí trong cả hiện tại và tương lai. Ngoài ra, đối với các loại máy thi công của Công ty đã quá cũ, lạc hậu thì phải có kế hoạch thay thế dần bằng cách đầu tư vào máy móc, thiết bị hiện đại hơn, đó là yếu tố quan trọng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Tiết kiệm chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí phát sinh ở các đội, xí nghiệp có tính chất phục vụ cho quá trình thi công nên rất dễ xảy ra tình trạng lãng phí, chi sai mục đích... Chính vì vậy, Công ty cần có các quy chế cụ thể nhằm giảm bớt các khoản chi phí này như quy định các khoản chi đều phải có chứng từ để xác minh, chỉ ký duyệt đối với các khoản chi hợp lý, hợp lệ, xử phạt thích đáng đối với các hành vi lạm chi, chi sai mục đích... Đồng thời, Công ty cần kiểm tra chặt chẽ chi phí kể cả nguồn gốc phát sinh và đối tượng chịu phí nhằm phát hiện và loại bỏ khỏi giá thành công trình những chi phí bất hợp lý. Tuy nhiên, với những khoản chi hợp lý thì cần phải giải quyết kịp thời để đảm bảo thuận lợi cho hoạt động sản xuất.

Bên cạnh đó, từ kế hoạch sản xuất kinh doanh nhà quản trị nên phân loại chi phí sản xuất chung thành biến phí và định phí sau đó lại phân tích thành các khoản mục chi phí chi tiết. Trên cơ sở đó, nhà quản trị so sánh từng khoản mục chi phí

thực tế với kế hoạch, từ đó xác định khoản mục chi phí nào còn lãng phí, khoản mục chi phí nào đã tiết kiệm được và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời, đúng đắn nhất.

Tăng cường quản lý, giám đốc tài chính đối với hoạt động xây lắp.

Kiểm tra chặt chẽ việc cấp tạm ứng đối với khối lượng công tác xây lắp thực hiện trong kỳ, việc thực hiện kế hoạch sản xuất, tiến độ thi công các công trình, giám sát xem các đội sử dụng vốn có đúng mục đích không. Từ đó, phát hiện những khoản chi nào không hợp lý, gây lãng phí để điều chỉnh kịp thời.

Tóm lại, để có thể tồn tại lâu dài và phát triển ổn định trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt, Công ty phải luôn hướng tới việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở nghiên cứu, đổi mới công tác quản lý cũng như công tác tổ chức sản xuất. Và để các chính sách của Công ty thực sự đem lại tác dụng thì Công ty cần thực hiện tốt và đồng bộ các biện pháp sao cho biện pháp này được thực hiện sẽ có tác động tích cực tới việc thực thi các biện pháp khác.

KẾT LUẬN

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kỹ thuật 41 D

Qua quá trình đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu tình hình thực tế, em nhận thức sâu sắc được rằng: hạch toán kế toán nói chung và hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm nói riêng có vai trò đặc biệt quan trọng nhất là trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Những thông tin mà kế toán cung cấp đặc biệt là thông tin về chi phí và giá thành sản phẩm giúp doanh nghiệp có cơ sở xác định kết quả kinh doanh cũng như đánh giá được khả năng và thực trạng sản xuất kinh doanh thực tế của doanh nghiệp, từ đó đề ra những biện pháp quản lý kinh doanh thích hợp. Ngoài ra, những thông tin này còn là cơ sở để doanh nghiệp phân tích, đánh giá phục vụ công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp nhằm mục tiêu tiết kiệm và nâng cao hiệu quả của chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Do đó, cải tiến và hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một trong những yêu cầu không thể thiếu đối với sự phát triển và lớn mạnh của doanh nghiệp nhằm phát huy vai trò kế toán là giám đốc bằng tiền đối với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách toàn diện và có hệ thống, phát hiện và khai thác mọi khả năng tiềm tàng trong quá trình hoạt động.

Qua thời gian thực tập tại Công ty xây dựng 492, em nhận thấy công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty rất được chú trọng và được thực hiện tương đối đầy đủ theo đúng chế độ kế toán của nhà nước phần nào đã đáp ứng được yêu cầu quản lý của Công ty hiện nay. Tuy nhiên, vì mục tiêu phát triển chung của Công ty, công tác kế toán cũng cần có những bước đổi mới, hoàn thiện hơn nữa, đặc biệt là công tác quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm để phục vụ mục đích quản trị nội bộ. Nhận thức được điều đó nên em đã đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty xây dựng 492 và hoàn thành chuyên đề của mình với nội dung ***“Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất - tính giá thành và phương hướng nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty xây dựng 492”***

Trong bài viết của mình em đã có những phân tích, đề xuất dưới góc nhìn của một sinh viên kế toán đối với công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

của Công ty xây dựng 492. Ngoài ra, do thời gian tiếp xúc với thực tế chưa nhiều nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô giáo, Ban lãnh đạo và các bác, các anh chị trong phòng kế toán Công ty để nhận thức của em về vấn đề này ngày càng hoàn thiện hơn.

Để hoàn thành chuyên đề này, em xin chân thành cảm ơn sự chỉ bảo tận tình của cô giáo hướng dẫn PGS.TS Phạm Thị Gái cùng các thầy cô giáo khoa kế toán trường Đại học Kinh tế quốc dân, cảm ơn Ban lãnh đạo và các cán bộ phòng tài chính kế toán Công ty xây dựng 492 đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho em trong suốt thời gian thực tập.

Em xin chân thành cảm ơn!

Nội dung Quảng cáo

Nội dung chương trình dạy kế toán thực hành của Tadiethu

STT	Tên khóa học	Nội dung	Học Phí	Kết quả
01	Học Kế toán online – Tổng hợp các loại hình kế toán (TM, DV, DL)	Bộ chứng từ 1 tháng	Miễn phí	Thành thạo các công đoạn kế toán .Tổng hợp chứng từ, định khoản, lên báo cáo tài chính Thành thạo phần mềm kế toán cho loại hình doanh nghiệp, thông thạo kê khai thuế
02	Các vị trí kế toán thuộc kê thống kê toán (từ kế toán quản trị)	Bộ chứng từ 1 tháng	100.000 Đồng	
03	Kế toán doanh nghiệp Thương mại	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
04	Kế toán doanh nghiệp dịch vụ	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
05	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
06	Tổng hợp cả ba loại hình trên	Bộ chứng từ 3 tháng	500.000 Đồng	

1.2 Nội dung khóa học

Lập chứng từ và quản lý chứng từ:

- Lập chứng từ kế toán
- Phân loại chứng chứng từ kế toán
- Lưu chứng từ kế toán
- Thực hiện các nghiệp vụ phiếu kế toán cuối kỳ
- Các nghiệp vụ hành chính bắt buộc ví dụ : Bảo hiểm, văn thư ..

Thực hành ghi sổ kế toán:

Sinh viên: Phạm Thị Bích Ngọc
Lớp kế toán 41 D

Sổ tổng hợp:

- Sổ nhật ký (Nhật ký chung)
- Sổ cái (các tài khoản)

Sổ chi tiết:

- Sổ quỹ tiền mặt tiền gửi (111; 112)
- Sổ chi tiết công nợ và tổng hợp công nợ (TK131;331...)
- Sổ chi tiết hàng tồn kho, tổng hợp N - X – T(TK152;156)
- Sổ chi tiết doanh thu bán hàng, tổng hợp doanh thu bán hàng (TK 511...).
- Bảng tập hợp chi phí và tính giá thành (TK154;621;622;627)
- Bảng theo dõi phân bổ công cụ dụng cụ (TK 153; 242...)
- Bảng theo dõi khấu hao tài sản cố định (TK 211;214...)

Lên Bảng cân đối phát sinh

- Từ số liệu của sổ chi tiết tổng hợp và lên bảng cân đối phát sinh

Lên Báo Cáo Tài Chính

- Lên bảng lưu chuyển tiền tệ
- Bảng cân đối kế toán
- Thuyết minh tài chính

Liên hệ sđt 0936838448

hoặc mail dttdiepthu@gmail.com